

THÔNG BÁO
Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí trân trọng thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (Đại hội) như sau:

1. Thời gian - Địa điểm

- **Thời gian:** Khai mạc lúc 8 giờ 30 phút ngày 28 tháng 4 năm 2021.
- **Địa điểm:** Hội trường Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (thôn Phước Hòa, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi).

2. Nội dung Đại hội

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và giai đoạn 2016-2020, Kế hoạch năm 2021 và giai đoạn 2021-2025;
- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
- Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Thông qua Tờ trình xin phê duyệt tiền lương, thù lao và phương án phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2020 và kế hoạch 2021;
- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát;
- Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025;
- Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3. Thành phần dự Đại hội

- Đại biểu mời (có Giấy mời riêng);
- Tất cả cổ đông có tên trong danh sách chốt đến ngày 06/4/2021;
- Thành viên: Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; Giám đốc; Kế toán trưởng; Người phụ trách quản trị Công ty; Thư ký Công ty.

4. Các yêu cầu khác

- Tài liệu Đại hội:

Quý Cổ đông vui lòng tải tài liệu Đại hội trên website www.pvbuilding.com.vn tại Mục Quan hệ cổ đông/Đại hội đồng cổ đông.



- Đăng ký dự Đại hội:

Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, Quý Cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự hoặc ủy quyền (*Giấy ủy quyền theo mẫu đính kèm*) tham dự Đại hội và những vấn đề phát biểu tại Đại hội trước ngày 26/4/2021 gửi về theo địa chỉ:

Thư ký Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí

Khu đô thị mới Vạn Tường, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

FAX: 02553 612469

Email: huylx@pvbuilding.com.vn

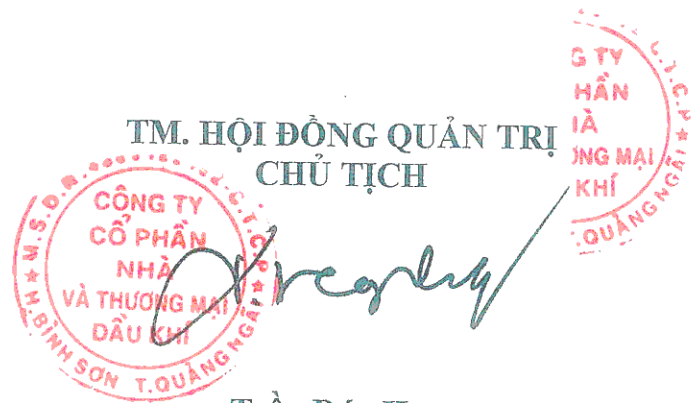
- Các cổ đông có ý kiến phát biểu phải đăng ký trước với Thư ký Công ty và chỉ được phát biểu khi có sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội.

- Cổ đông hoặc đại diện cổ đông có mặt trước giờ khai mạc 30 phút để hoàn thiện thủ tục tham dự Đại hội.

Trân trọng thông báo và kính mời!

Nơi nhận:

- Như thành phần;
- Lưu VT, Thư ký.



Trần Đức Hợp

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



GIẤY ỦY QUYỀN
DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí.

Hôm nay, ngày...../...../2021,

Tôi tên là:.....

Số CMND/Hộ chiếu:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Địa chỉ:.....

Hiện tôi đang sở hữu:(bằng chữ:.....
.....) cổ phần của Quý Công ty.

Tôi làm giấy này ủy quyền cho:

Ông/Bà:

Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp:.....

Nơi cấp:

Địa chỉ:

Ông/Bà: là người đại diệncổ phần của tôi,
thay mặt tôi:

- Dự họp và biểu quyết:

- Biểu quyết:

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí vào ngày 28/04/2021 và tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường (hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) khác (nếu có) đến trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Người nhận ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ



TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Quảng Ngãi, tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 VÀ GIAI ĐOẠN 2016-2020
KẾ HOẠCH NĂM 2021 VÀ GIAI ĐOẠN 2021-2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD ngày 23/4/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building) năm 2020, Ban điều hành kính báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và giai đoạn 2016-2020; kế hoạch năm 2021 và giai đoạn 2021-2025 với các nội dung như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2020, GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện kế hoạch

1.1. Thuận lợi:

Trong 05 năm thực hiện kế hoạch 2016-2020, PV Building được sự quan tâm, chỉ đạo chặt chẽ của cổ đông lớn BSR trong công tác quản lý, điều hành, công tác phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, tạo điều kiện thuận lợi để PV Building hoàn thành các hợp đồng thuộc phạm vi các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Cổ phiếu của PV Building (Mã PBT) đã đăng ký giao dịch trên sàn Upcom từ năm 2017, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 được duy trì chặt chẽ nên uy tín và thương hiệu PV Building trong những năm qua ngày càng được nâng cao. Công ty luôn giữ vững mối quan hệ mật thiết với các khách hàng truyền thống, tiềm năng, từ đó có thêm nhiều hợp đồng cung cấp hàng hóa/dịch vụ góp phần tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận tốt cho Công ty.

Năm 2018, Công ty hoàn thiện hồ sơ để được hưởng ưu đãi đầu tư đối với dự án Nhà máy sản xuất bao bì và đã được cơ quan thuế ghi nhận thuế suất doanh nghiệp được hưởng ưu đãi là 10% đến hết năm 2025.

1.2. Khó khăn:

Giai đoạn thực hiện kế hoạch 5 năm 2016-2020, Nhà máy Lọc dầu Dung Quất tạm dừng sản xuất để bảo dưỡng định kỳ vào năm 2017 và 2020 nên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty (bao PE 3 lớp, hạt nhựa PP, pallet...) bị gián đoạn, ảnh hưởng lớn đến sản lượng, doanh thu và lợi nhuận. Ngoài ra, hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bao bì đang bị áp lực cạnh tranh rất lớn bởi các doanh nghiệp cùng ngành.

Bên cạnh đó, nhiều công nhân sản xuất nghỉ việc do sự chuyển dịch lao động sang các dự án lớn đang triển khai đồng loạt tại Khu kinh tế Dung Quất, nguồn cung lao động thiếu hụt nên việc tuyển dụng bổ sung lao động là công nhân vận hành máy gặp nhiều khó khăn.



Từ đầu năm 2020, các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng đáng kể do dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp. Số lượng đơn đặt hàng sản xuất bao bì giảm mạnh; dịch vụ cho thuê nhà, kinh doanh nhà hàng, du lịch giảm đáng kể; kết quả đấu thầu các đơn hàng cung cấp sản phẩm/dịch vụ cho BSR đạt được rất hạn chế do sự cạnh tranh lớn từ các đơn vị bên ngoài; các biện pháp nhằm chia sẻ khó khăn với khách hàng như giảm giá, giãn tiến độ thanh toán... đã ảnh hưởng lớn đến hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2020 và giai đoạn 2016-2020

2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020			Giai đoạn 2016-2020		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ hoàn thành (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ hoàn thành (%)
1	Tổng doanh thu, thu nhập	257,00	358,32	139	3.066,6	2.495,5	81
2	Lợi nhuận sau thuế	14,24	14,50	102	69,0	72,4	105
3	Nộp ngân sách nhà nước	9,10	12,9	142	67,2	46,9	70

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2020 đạt 358,32 tỷ đồng, hoàn thành 139% kế hoạch. Tổng doanh thu giai đoạn 2016-2020 đạt 2.495,5 tỷ đồng, đạt 81% kế hoạch, doanh thu không đạt kế hoạch do kể từ Quý IV năm 2018, sản lượng tiêu thụ hạt nhựa PP của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất giảm do sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường.

- Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2020 đạt 14,5 tỷ đồng, đạt 102% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế giai đoạn 2016-2020 đạt 72,4 tỷ đồng, đạt 105% kế hoạch.

2.2. Kết quả thực hiện đầu tư, mua sắm tài sản:

a) Kết quả thực hiện đầu tư, mua sắm tài sản năm 2020:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch 2020	Thực hiện năm 2020	Ghi chú
1	Xây dựng nhà kho nguyên liệu phục vụ sản xuất bao bì	5,0	-	Chưa thực hiện
2	Mua máy kiểm tra chất lượng màng PP dệt	1,0	0,7	
3	Mua sắm máy giặt, máy sấy giặt là (02 máy giặt + 01 máy sấy)	1,0	0,5	(01 máy giặt và 01 máy sấy)
	Tổng cộng:	7,0	1,2	

1429,
NG T
PH
HÀ
ƯƠNG
LƯU

- Trong năm 2020, tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty chịu ảnh hưởng bởi tác động của dịch bệnh Covid-19. Công ty chỉ thực hiện mua sắm 01 máy giặt và 01 máy sấy công nghiệp phục vụ hoạt động giặt là với tổng giá trị 0,53 tỷ đồng.

- Dự án mua sắm máy kiểm tra chất lượng màng PP dệt đã ký hợp đồng với nhà cung cấp, dự kiến bàn giao đưa vào sử dụng trong Quý I/2021.

- Đối với các hạng mục đầu tư và mua sắm khác đã được duyệt, Ban điều hành sẽ báo cáo và xin ý kiến Hội đồng quản trị để triển khai vào thời điểm thích hợp.

b) Kết quả thực hiện đầu tư, mua sắm tài sản giai đoạn 2016-2020 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	KH 2016- 2020	Thực hiện					TH 2016- 2020	Tỉ lệ hoàn thành (%)
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	Đầu tư và mua sắm tài sản	71,0	4,9	0,5	-	7,5	1,2	14,1	20

Công tác đầu tư, mua sắm tài sản luôn đi đôi với phương châm an toàn, hiệu quả. Trong thời gian qua, Công ty chủ yếu đầu tư, mua sắm tài sản để duy trì năng lực sản xuất kinh doanh, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Năm 2019, Công ty đã đầu tư mới 06 xe ô tô 07 chỗ ngồi để nâng cao chất lượng dịch vụ đưa đón.

Đối với dự án Khu tập thể đê bao sông Trà Khúc: UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 về việc hủy bỏ Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 (Quyết định điều chỉnh hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất). Trong thời gian đến, Công ty sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan chính quyền để hoàn thiện hình thức sử dụng đất phù hợp.

3. Kết quả thực hiện từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh

3.1. Sản xuất kinh doanh bao bì:

Kết quả sản lượng tiêu thụ sản phẩm bao bì thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2016-2020 được trình bày như bảng dưới đây:

TT	Sản phẩm	Đvt	Năm 2020			Giai đoạn 2016-2020		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ hoàn thành (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ hoàn thành (%)
1	Bao nông sản	Triệu bao	4,32	3,37	78	24,18	18,68	77
2	Màng PP tráng màng	Triệu mét	10,00	13,36	134	-	22,26	-
3	Màng PP bao xi măng	Triệu bao	3,60	-	-	2,72	13,83	509



TT	Sản phẩm	Đvt	Năm 2020			Giai đoạn 2016-2020		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ hoàn thành (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ hoàn thành (%)
4	Bao chứa hạt nhựa PP	Triệu bao	5,50	6,40	116	33,28	32,28	97

- Đối với dòng bao nông sản, sản lượng tiêu thụ năm 2020 đạt 3,37 triệu bao, đạt 78% kế hoạch; kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2020 đạt 18,68 triệu bao, đạt 77% kế hoạch. Đây là dòng sản phẩm mang tính chất mùa vụ, khoảng thời gian từ tháng 5 đến hết tháng 8 hàng năm số lượng đơn đặt hàng rất ít, vào giai đoạn cao điểm mùa vụ thì sản lượng sản xuất đạt hết công suất theo nhu cầu của khách hàng.

- Đối với màng PP tráng màng, sản lượng tiêu thụ năm 2020 đạt 13,36 triệu mét, đạt 134% kế hoạch. Đây là dòng sản phẩm cải tiến dựa trên các điều kiện thiết bị sẵn có, bắt đầu cung cấp từ năm 2019 nên chưa xây dựng kế hoạch giai đoạn 2016-2020. Sản phẩm này có sản lượng ngày càng tăng góp phần mang lại lợi nhuận tốt cho Công ty và tạo việc làm ổn định cho người lao động.

- Dòng bao chứa hạt nhựa PP cung cấp cho NMLD Dung Quất được duy trì sản lượng theo hợp đồng, sản lượng tiêu thụ năm 2020 đạt 6,40 triệu bao, đạt 116% kế hoạch; kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2020 đạt 32,28 triệu bao, đạt 97% kế hoạch.

- Dòng bao xi măng: Do công nghệ sản xuất bao KPK hầu như không còn sử dụng, trong những năm vừa qua, Công ty đã nỗ lực tìm kiếm khách hàng tiêu thụ chủ yếu là cuộn màng PP bao xi măng trắng không in, thông qua đầu mối là các đơn vị thương mại nên sản lượng không ổn định. Khắc phục đặc điểm này, Công ty đã cải tiến để sản xuất sản phẩm mới là màng PP tráng màng (màng Wanek) cung cấp cho các đơn vị sản xuất sôpha nệm.

3.2. Thương mại:

Kết quả về sản lượng tiêu thụ sản phẩm thương mại như sau:

TT	Sản phẩm thương mại	Đvt	Năm 2020			Giai đoạn 2016-2020		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ hoàn thành (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ hoàn thành (%)
1	Hạt nhựa PP	Tấn	2.000	5.533	277	61.200	48.043	79
2	Pallet gỗ	Cái	100.000	171.243	171	560.000	738.400	132

Hoạt động kinh doanh thương mại chủ yếu là hạt nhựa PP, Pallet gỗ. Trong năm 2020, sản lượng tiêu thụ hạt nhựa PP đạt 5.533 tấn, đạt 277% kế hoạch; kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2020 đạt 79% sản lượng kế hoạch. Sản lượng tiêu thụ giai đoạn 2016-2020 không đạt kế hoạch do từ Quý IV năm 2018 sản lượng tiêu thụ hạt nhựa PP giảm còn 300 tấn/tháng.

Đối với sản phẩm Pallet gỗ, ngoài cung cấp cho NMLD Dung Quất Công ty còn cung cấp cho NMLD Nghi Sơn. Tổng sản lượng Pallet gỗ tiêu thụ trong năm 2020 đạt 171.243 cái, đạt 171% kế hoạch; kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2020 đạt 132% sản lượng kế hoạch.

Công tác thương mại và phát triển thị trường đã được Ban điều hành đẩy mạnh trong thời gian qua, Công ty đã chủ động nắm bắt thông tin nhu cầu khách hàng để giới thiệu các sản phẩm hiện có và phát triển thêm sản phẩm mới. Các hợp đồng mua bán sản phẩm được ký kết với các đầu mối tiêu thụ uy tín, triển khai chặt chẽ, đảm bảo tiến độ, hiệu quả, an toàn vốn.

3.3. Dịch vụ hậu cần:

Kết quả doanh thu kinh doanh dịch vụ hậu cần giai đoạn 2016-2020 như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

Stt	Doanh thu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
						Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	Dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	22,18	26,26	19,25	29,12	30,29	28,78	95
2	Dịch vụ vận chuyển	20,15	26,98	25,28	25,64	26,61	31,25	117
3	Dịch vụ hậu cần khác	13,58	19,69	28,26	9,54	15,09	15,38	102
Tổng cộng		55,91	72,93	72,79	64,3	71,99	75,41	105

- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cho thuê nhà, nhà hàng, du lịch bị ảnh hưởng nhiều nhất do tác động của dịch bệnh Covid-19 nên lượng khách giảm đáng kể. Kết quả doanh thu hoạt động quản lý và cho thuê nhà trong năm 2020 đạt 28,78 tỷ đồng, đạt 95% kế hoạch.

- Dịch vụ vận chuyển chủ yếu là đưa đón CBCNV BSR, trong tháng 3 năm 2020 Công ty đã đưa vào sử dụng 06 xe Toyota Fortuner mới đầu tư, đáp ứng yêu cầu của hợp đồng thuê xe phục vụ quản lý điều hành của BSR. Bên cạnh đó, Công ty đã đấu thầu thành công dịch vụ vận chuyển trong giai đoạn bảo dưỡng tổng thể NMLD Dung Quất nên kết quả doanh thu trong năm 2020 tăng vượt ở mức 31,25 tỷ đồng, đạt 117% kế hoạch.

- Dịch vụ hậu cần khác chủ yếu là hoạt động giặt là, cho thuê xe đạp, xử lý côn trùng, hỗ trợ hành chính, cung cấp đồ dùng hậu cần... được duy trì. Doanh thu trong năm 2020 đạt 15,38 tỷ đồng, đạt 102% kế hoạch.

4. Kết quả thực hiện công tác lao động, đào tạo, an sinh xã hội và đoàn thể

4.1. Tình hình nhân sự, tiền lương:

Kết quả thực hiện về tiền lương, thù lao của người lao động và người quản lý năm 2020 và giai đoạn 2016-2020 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2020			Giai đoạn 2016-2020		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ hoàn thành (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ hoàn thành (%)
1	Lao động bình quân	Người	370	323	87	347	346	100
2	Tiền lương bình quân	Tr. đồng/tháng	5,94	6,76	114	7,30	5,87	80
3	Năng suất lao động bình quân	Tr. đồng/người/tháng	10,25	11,66	114	9,89	10,19	103
4	Quỹ tiền lương người lao động	Tỷ đồng	26,38	26,20	99	113,3	121,7	107
5	Quỹ tiền lương, thù lao người quản lý	Tỷ đồng	3,13	2,40	77	6,5	10,6	163

- Tổng lao động làm việc tại PV Building tính đến 31/12/2020 là 326 người, số lao động bình quân trong năm 2020 là 323 người; bình quân thực hiện giai đoạn 2016-2020 là 346 người, đạt 100% kế hoạch.

- Tiền lương bình quân năm 2020 của người lao động đạt 6,76 triệu đồng/tháng; bình quân thực hiện giai đoạn 2016-2020 đạt 5,87 triệu đồng/tháng đạt 80% kế hoạch. Tiền lương bình quân thực hiện giai đoạn 2016-2020 không đạt kế hoạch do khó khăn chung của nền kinh tế trong khu vực.

- Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu trừ chi phí chưa lương) năm 2020 đạt 11,66 triệu đồng/người/tháng; bình quân thực hiện giai đoạn 2016-2020 đạt 10,19 triệu đồng/người/tháng, đạt 103% kế hoạch.

4.2. Công tác đào tạo:

Thường xuyên cử CBCNV tham gia các đợt tập huấn nghiệp vụ: Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho toàn thể CBCNV Công ty; nghiệp vụ tiền lương và chính sách pháp luật; nghiệp vụ kế toán, thuế, nghiệp vụ bảo vệ, nghiệp vụ phòng chống cháy nổ và CNCH, đào tạo nghiệp vụ sơ cấp cứu ban đầu; nghiệp vụ xử lý côn trùng.

4.3. Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường:

Công tác đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ môi trường luôn được thực hiện tốt, trong năm không có tai nạn lao động, không có sự cố cháy nổ xảy ra; đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 bùng phát, toàn bộ người lao động đã tích cực thực hiện các biện pháp phòng chống dịch góp phần duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.4. Công tác đoàn thể, an sinh xã hội:

Bên cạnh công tác chăm lo đời sống, tinh thần cho bản thân CBCNV, thăm hỏi động viên kịp thời gia đình người lao động có hoàn cảnh khó khăn, ốm đau, bị thiệt hại tài sản do thiên tai.... Công đoàn Công ty cũng đã động viên, khen thưởng con CBCNV

đạt thành tích cao trong học tập nhằm khích lệ động viên tinh thần cũng như thể hiện sự quan tâm của các cấp Lãnh đạo đến con CBCNV Công ty.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP

Thực hiện Phương án tái cơ cấu BSR theo Quyết định số 2081/QĐ-DKVN ngày 03/9/2015; triển khai các công việc liên quan đến chuyển PV Building trở thành Công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Ngày 02/3/2016, Hội đồng thành viên BSR đã ban hành Nghị quyết số 631/NQ-BSR về việc phê duyệt phương án thoái vốn của BSR tại PV Building nhằm giảm tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của BSR tại PV Building từ 96,53% xuống còn 51% vốn điều lệ.

Ngày 12/7/2016, gần 8 triệu cổ phần tương ứng 45,53% vốn điều lệ PV Building được đưa ra đấu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Kết quả giao dịch thành công 2,325 triệu cổ phần, do đó, tỷ lệ nắm giữ cổ phần của BSR tại PV Building giảm còn 83,26%, khách sạn Cẩm Thành chiếm 3,14% và nhóm cổ đông cá nhân chiếm 13,6% vốn điều lệ.

Ngày 27/3/2017, PV Building đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là Công ty đại chúng theo Công văn số 1575/UBCK-GSĐC.

Theo kế hoạch, Cổ phiếu của PV Building sẽ được đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Tuy nhiên, đến thời hạn phải đăng ký niêm yết theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhưng PV Building chưa đủ điều kiện niêm yết (cổ đông lớn hiện vẫn nắm giữ trên 85% vốn điều lệ). Do vậy, PV Building đã đăng ký giao dịch cổ phiếu của phiếu trên thị trường giao dịch UPCOM.

Ngày 28/12/2018, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) ban hành Quyết định số 835/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký cổ phiếu của PV Building tại HNX; Cổ phiếu PBT đã được giao dịch ngày đầu tiên trên thị trường giao dịch UPCOM vào ngày 18/01/2019.

Nhằm phục vụ công tác xác định giá trị doanh nghiệp để phục vụ công tác tái cơ cấu doanh nghiệp theo chỉ đạo của Tập đoàn/BSR, PV Building thường xuyên phối hợp với BSR để hoàn thành công tác thoái vốn của BSR tại PV Building xuống còn 51% vốn điều lệ.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty dự báo sẽ còn nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh vẫn còn diễn biến phức tạp. Giá bán sản phẩm bao bì giảm hơn năm trước do áp lực cạnh tranh của thị trường và nhu cầu tiêu thụ sản phẩm bao bì cũng không khả quan hơn các năm trước. Sản lượng tiêu thụ PP dự kiến sẽ tăng lên hơn 1.000 tấn/tháng sau khi có kết quả chào thầu cho năm 2021.

2. Nhiệm vụ kế hoạch

2.1. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì:

Vận hành Nhà máy sản xuất bao bì đảm bảo an toàn, tối ưu hóa năng lực sản xuất hiện có, nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát tốt ở tất cả các khâu trong quá trình sản xuất để tăng hiệu quả đối với các dòng sản phẩm hiện có.

Đẩy mạnh công tác thị trường, mở rộng đầu tư sản xuất các loại sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu khách hàng, chú trọng hơn trong công tác nghiên cứu sáng kiến cải tiến kỹ



thuật, cải tạo các dây chuyền sản xuất hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất ngày càng nhiều hơn, sản phẩm đa dạng hơn, chất lượng tốt hơn.

2.2. Thương mại:

Tập trung nghiên cứu, nắm bắt thị trường để mở rộng danh mục sản phẩm kinh doanh, củng cố quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng chủ chốt cùng với mở rộng danh sách khách hàng tiềm năng. Chú trọng hơn nữa công tác mở rộng danh mục sản phẩm, thị trường tiêu thụ.

Nắm chắc tình hình thị trường, tìm kiếm và lựa chọn đối tác uy tín, đảm bảo triển khai an toàn, hiệu quả việc phân phối các sản phẩm của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất.

2.3. Dịch vụ hậu cần:

Tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Nhanh nhạy nắm bắt thông tin thị trường để triển khai các gói thầu cung cấp dịch vụ cho Nhà máy Lọc dầu Dung Quất và các đơn vị khác.

Mở rộng thêm một số lĩnh vực dịch vụ hậu cần khác trên cơ sở tận dụng các điều kiện sẵn có của đơn vị.

3. Tổng hợp các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

3.1. Các chỉ tiêu sản lượng:

Stt	Chỉ tiêu sản lượng	Đvt	Kế hoạch 2021
1	Bao nông sản	Triệu bao	4,32
2	Mành PP tráng màng	Triệu mét	10,00
3	Mành PP bao xi măng	Triệu bao	3,60
4	Bao PE 3 lớp	Triệu bao	6,60
5	Hạt nhựa PP	Tấn	13.200
6	Pallet gỗ	Cái	120.000

3.2. Các chỉ tiêu kinh doanh dịch vụ:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2021
1	Dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	Tỷ đồng	29,09
2	Dịch vụ vận chuyển	Tỷ đồng	26,61
3	Dịch vụ hậu cần khác	Tỷ đồng	13,86
Tổng cộng:		Tỷ đồng	69,56

3.3. Các chỉ tiêu tài chính:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	193,26

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	540,00
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	16,40
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	14,98
5	Tỷ suất LNST/vốn chủ sở hữu	%	7,75
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	8,93

3.4. Chỉ tiêu về lao động, tiền lương:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021
1	Lao động bình quân	Người	338
2	Tiền lương bình quân người lao động	Tr. đồng/ tháng	6,601
3	Năng suất lao động bình quân	Tr. đồng/ người/tháng	11,352
4	Quỹ lương người lao động	Tr. đồng	26.772,44
5	Quỹ lương người quản lý	Tr. đồng	2.666,08
6	Thù lao kiêm nhiệm	Tr. đồng	201,60

3.5. Kế hoạch vốn đầu tư:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	4,00
1.1	Đầu tư XD CB	Tỷ đồng	-
1.2	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	4,00
2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	4,00
1.1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	4,00
1.2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-

IV. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đối với các lĩnh vực hoạt động sản xuất của PV Building dự báo trong thời gian đến sẽ gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất bao bì gặp nhiều cạnh tranh đến từ các đơn vị sản xuất cả trong nước và hàng nhập khẩu do giá thành sản xuất vẫn còn cao, năng suất lao động thấp và công nghệ sản xuất lạc hậu.

Trong giai đoạn 2021-2025, BSR vẫn được xác định là cổ đông chi phối của Công ty, là khách hàng tiềm năng cùng với sự hỗ trợ về nhiều lĩnh vực trong các hoạt động sản xuất kinh doanh chủ chốt của PV Building. Ngoài ra, lĩnh vực sản xuất bao bì vẫn còn trong thời gian được hưởng ưu đãi đầu tư nên đã tạo cơ sở vững chắc cho việc xây dựng kế hoạch 05 năm 2021-2025.

Đối với các khách hàng khác ngoài BSR, PV Building trong những năm qua cũng đã tạo lập chuỗi khách hàng uy tín, ký kết các hợp đồng dài hạn trong việc cung cấp các sản phẩm/dịch vụ của công ty. Thời gian tới, Công ty sẽ chủ động nghiên cứu, cải tiến kỹ thuật để sản xuất các sản phẩm, dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng với nhiều đối tượng khách hàng mới.

Một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu giai đoạn 2021-2025 như sau:

1. Các chỉ tiêu tài chính

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021-2025
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Tỷ đồng	2.729,47
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	90,64
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	82,75
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	49,30

2. Chỉ tiêu sản lượng sản xuất và tiêu thụ

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021-2025
1	Bao nông sản	Triệu bao	21,60
2	Mành PP tráng màng	Triệu mét	55,26
3	Mành PP bao xi măng	Triệu bao	18,00
4	Bao PE 3 lớp	Triệu bao	31,90
5	Hạt nhựa PP	Tấn	63.800
6	Pallet gỗ	Cái	580.000

3. Chỉ tiêu về đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021-2025
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	118,5
1.1	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	85,0
1.2	Mua sắm trang thiết bị/TSCĐ	Tỷ đồng	33,5
2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	118,5
1.1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	44,0
1.2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	74,5

(Chi tiết xem Phụ lục đính kèm)

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Giải pháp về quản lý, chỉ đạo sản xuất kinh doanh

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống, quy trình quản trị nội bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hành tiết kiệm, khoán chi phí sản xuất, cắt giảm các chi phí không thật sự cần thiết.

- Luôn có bộ phận chuyên môn tìm hiểu thông tin, nắm bắt nhu cầu thị trường để đưa ra những quyết sách kịp thời, phù hợp.

- Quảng bá hình ảnh, xây dựng thương hiệu của Công ty thông qua chất lượng dịch vụ cung cấp, quảng cáo, tài trợ,...

- Xây dựng chiến lược marketing phù hợp để tiếp cận và khai thác khách hàng mới theo kế hoạch phát triển.

- Giữ vững mối quan hệ với các đối tác khách hàng truyền thống và tìm kiếm nguồn khách hàng mới.

2. Giải pháp về đầu tư và vốn

- Thực hiện đầu tư có trọng tâm, tránh dàn trải. Chỉ đầu tư khi đã tiến hành nghiên cứu kỹ, phát huy cao nhất hiệu quả sử dụng và đảm bảo an toàn vốn. Tăng cường khả năng huy động từ các tổ chức tín dụng, hợp tác đầu tư, liên doanh liên kết để giảm sức ép về vốn và giảm rủi ro tài chính.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác đầu tư, kinh doanh trở thành chuyên nghiệp, đội ngũ lãnh đạo và nhân viên có trình độ chuyên môn sâu, đạo đức nghề nghiệp tốt, trong sạch; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý, điều hành... hoạch định chính sách, nghiên cứu thị trường, đề tham mưu phương án đầu tư kinh doanh hiệu quả; tạo giá trị phát triển bền vững, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng Công ty, tăng năng lực cạnh tranh, tiến tới tối ưu hóa giá trị đầu tư.

- Thiết lập quan hệ chặt chẽ giữa Công ty, người đại diện và chủ sở hữu để xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh tại doanh nghiệp; chủ động trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm; chú trọng đến phát triển bền vững và gia tăng giá trị Công ty thông qua việc đầu tư linh hoạt, chú trọng vào chất lượng, qui mô và hiệu quả đầu tư.

3. Giải pháp về tổ chức quản lý và nguồn lực

3.1. Tổ chức quản lý:

Duy trì và phát triển hệ thống quản trị của PV Building lên tầm cao mới, hiện tại PV Building đang áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 cho toàn bộ các lĩnh vực hoạt động của Công ty, tương lai sẽ nghiên cứu triển khai áp dụng các tiêu chuẩn mới phù hợp hơn, hiệu quả hơn.

3.2. Áp dụng các chính sách để sử dụng hiệu quả nguồn lực:

- Có chế độ chính sách phù hợp nhằm khuyến khích người lao động học tập nâng cao tay nghề, chuyên môn, đẩy mạnh công tác kèm cặp nội bộ, đào tạo tại chỗ.

- Tiêu chuẩn hoá và nâng cao chất lượng tuyển dụng đầu vào và hiệu quả sử dụng lao động.

- Ban hành các chế độ, chính sách phù hợp đối với người lao động: Có cơ chế đảm bảo duy trì, thu hút và khuyến khích CBCNV giỏi, đảm bảo khả năng cạnh tranh về nhân

lực với các đối thủ cạnh tranh. Trên cơ sở yêu cầu chức danh công việc, đánh giá đúng khả năng và đóng góp của CBCNV vào kết quả chung theo hướng thị trường hoá các hình thức đãi ngộ với người lao động (theo khả năng, kết quả đóng góp).

- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, điều kiện làm việc đầy đủ, khuyến khích và tạo điều kiện cho lao động sáng tạo, xây dựng niềm tin, lòng yêu nghề, say mê công việc. Kích thích người lao động tự giác, tận tâm làm việc và sẵn sàng truyền thụ những kinh nghiệm, bí quyết nghề nghiệp vì mục tiêu phát triển chung.

4. Giải pháp về đào tạo và khoa học công nghệ

4.1. Công tác đào tạo:

Bước sang giai đoạn 2021-2025, Công ty sẽ đặc biệt chú trọng cho công tác đào tạo. Từ nhu cầu, mục tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh của từng năm, Công ty sẽ triển khai và giám sát chặt chẽ công tác đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

4.2. Khoa học công nghệ:

- Chú trọng hơn nữa công tác nghiên cứu các công thức sản xuất, nguyên liệu mới, tỷ lệ phối trộn để nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm chi phí sản xuất, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm. Có chính sách khuyến khích các sáng kiến làm tăng chất lượng, tăng năng suất dây chuyền thiết bị.

- Song song với việc tìm đầu ra cho các dòng sản phẩm đang có, Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu thị trường để phát triển thêm các dòng sản phẩm mới có nhu cầu lớn, phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Giải pháp về bảo vệ môi trường

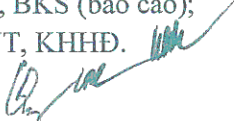
Hiện tại, PV Building tập trung vào 3 lĩnh vực chính là cung cấp dịch vụ, sản xuất kinh doanh sản phẩm bao bì và hoạt động thương mại. Trong đó, hoạt động sản xuất bao bì theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt thì không có nguồn thải nguy hại đáng kể ra môi trường. Các lĩnh vực hoạt động của Công ty đều đáp ứng theo các quy chuẩn quy định về môi trường đã đăng ký.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và giai đoạn 2016-2020; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và giai đoạn 2021-2025. Ban điều hành kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (báo cáo);
- Lưu: VT, KHHĐ.




GIÁM ĐỐC

Trần Xuân Thu

492.
Y
IN
MAI
11/15

PHỤ LỤC 1: THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2016-2020 CỦA PV BUILDING

(Kèm theo Báo cáo số 01/BC-PVBLD ngày 13/2021)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng cộng thực hiện 2011-2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020	Thực hiện năm					Tổng cộng thực hiện 2016-2020	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 (%)	Ghi chú
					2016	2017	2018	2019	2020				
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8=3+...+6	9=8/2	10	11
I	Các chỉ tiêu khối lượng												
1	Khai thác dầu khí	Triệu tấn											
2	Sản xuất các sản phẩm khác												
2.1	Bao PP lồng PE (bao nông sản)	Triệu bao	10,91	24,18	4,33	3,51	3,83	3,54	3,35	18,6	77%	-10%	
2.2	Mành PP tráng màng	Triệu mét						8,90	13,36	22,3			
2.2	Mành PP bao xi măng	Triệu bao	4,25	2,72	4,25	5,19	4,25	0,15		13,8	50,9%	42%	
2.3	Bao PE chứa hạt nhựa PP	Triệu bao	14,08	33,28	6,76	5,65	7,33	6,87	6,44	33,1	59%	4%	
3	Các chỉ tiêu kinh doanh												
3.1	Kim ngạch xuất khẩu	1000 USD											
3.2	Kim ngạch nhập khẩu	1000 USD											
3.3	Tiêu thụ sản phẩm												
3.3.1	Polypropylen	Tấn	103.951	61.200	16.145	11.383	11.355	3.627	5.533	48.043	79%	-7%	
3.3.2	Pallet gỗ	Cái	337.000	560.000	125.000	102.000	140.218	199.939	171.243	738.400	32%	10%	
3.3.3	Bao PP lồng PE (bao nông sản)	Triệu bao	10,83	24,18	4,36	3,60	3,80	3,55	3,37	18,68	77%	-10%	
3.3.4	Mành PP tráng màng	Triệu mét						8,90	13,36	22,26			
3.3.4	Mành PP bao xi măng	Triệu bao	4,25	2,72	3,95	5,48	4,25	0,15		13,83	50,9%	37%	
3.3.5	Bao PE chứa hạt nhựa PP	Triệu bao	14,08	33,28	6,57	6,19	7,11	6,01	6,40	32,28	97%	3%	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng cộng thực hiện 2011- 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020	Thực hiện năm					Tổng cộng thực hiện 2016- 2020	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016- 2020 (%)	Ghi chú
					2016	2017	2018	2019	2020				
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8=3+...+6	9=8/2	10	11
II	Các chỉ tiêu tài chính												
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	238,5	321,0	252,7	240,0	248,5	226,3	234,3	240,3	75%	-3%	
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	136,9	189,0	189,6	190,6	188,3	191,8	190,7	190,2	101%	0%	
	Trong đó: - Vốn điều lệ	Tỷ đồng	127,1	175,2	175,2	175,2	175,2	175,2	175,2	175,2	100%	0%	
	- Tỷ lệ tham gia của BSR	%	81,9%		83,3%	83,3%	83,3%	83,3%	83,3%	83,3%		-3%	
3	Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu	lần	0,7	0,7	0,3	0,3	0,3	0,2	0,2	0,3	38%	-10%	
4	Hệ số nợ/ vốn điều lệ	lần	0,8	0,8	0,4	0,3	0,3	0,2	0,2	0,3	38%	-10%	
5	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.835,4	3.066,6	633,7	607,1	558,3	338,1	358,3	2.495,5	81%	-8%	
6	Nợ phải trả	Tỷ đồng	101,6	132,0	63,1	49,4	60,2	34,5	43,6	50,1	38%	-10%	
6.1	Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	101,6	129,4	63,1	49,4	60,2	34,5	43,6	50,1	39%	-10%	
6.2	Nợ dài hạn	Tỷ đồng		2,6									
7	Tổng chi phí	Tỷ đồng	3.786,0	2.980,3	618,8	592,2	542,8	320,9	341,7	2.416,6	81%	-8%	
7.1	Chi phí vốn	Tỷ đồng	3.729,8	2.827,5	601,3	574,4	524,5	300,8	320,9	2.321,9	82%	-9%	
7.2	Chi phí quản lý Công ty	Tỷ đồng	48,2	33,0	14,6	14,4	15,8	16,8	17,0	78,5	238%	5%	
7.3	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	8,0		2,9	3,5	2,6	3,4	3,9	16,2		10%	
7.4	Chi phí lương NLD	Tỷ đồng	80,8	113,3	22,4	21,7	24,4	27,0	26,2	121,7	107%	4%	
7.5	Chi phí lương của NQL và thù lao kiêm nhiệm HĐQT, BKS	Tỷ đồng	4,3	6,5	1,8	1,8	2,1	2,51	2,4	10,6	163%	10%	
8	Lãi (lỗ)	Tỷ đồng	49,5	86,3	14,9	14,8	15,4	17,2	16,6	78,9	92%	3%	
9	Xử lý tài chính												
9.1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	49,5	86,3	14,9	14,8	15,4	17,2	16,6	78,9	92%	3%	
9.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	12,9	17,3	2,3	1,2	-1,3	2,2	2,1	6,5	38%	-111%	
9.3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	36,6	69,0	12,6	13,6	16,7	15,0	14,5	72,4	105%	7%	
9.4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	25,6	67,2	9,7	10,2	5,3	8,8	12,9	46,9	70%	15%	
9.5	Trích các quỹ	Tỷ đồng	3,8	9,3	2,1	2,0	3,3	3,7	3,5	14,6	157%	26%	



ML

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng cộng thực hiện 2011-2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020	Thực hiện năm					Tổng cộng thực hiện 2016-2020	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 (%)	Ghi chú
					2016	2017	2018	2019	2020				
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8=3+...+6	9=8/2	10	11
9.5	Chia cổ tức cho BSR	Tỷ đồng	28,8	49,5	8,7	9,6	11,2	9,4	9,2	48,1	97%	1%	
9.7	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	%	26%	34%	6,0%	6,6%	7,7%	6,5%	6,3%	33%	97%	4%	
9.3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	%	39%	49%	8,5%	8,5%	8,8%	9,8%	9,5%	36%	72%	3%	
III Chỉ tiêu đầu tư													
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	77,7	71,0	4,9	0,5	7,5	1,2	1,2	14,1	20%		
	Trong đó: - Đầu tư XDCB và MSTTB	Tỷ đồng	77,73	71,0	4,9	0,5	7,5	1,2	1,2	14,1	20%		
	- Đầu tư tài chính	Tỷ đồng											
2	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	77,7	71,0	4,9	0,5	7,5	1,2	1,2	14,1	20%		
	Trong đó:												
	- Vốn Tập đoàn cấp	Tỷ đồng											
	- Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Tỷ đồng	46	21,3	4,9	0,5	7,5	1,2	1,2	14,1	65%		
	- Vốn vay + khác	Tỷ đồng	31,7	49,7									
IV Các chỉ tiêu khác													
1	Lao động và thu nhập:												
	- Số lao động cuối kỳ	Người	269	347	329	340	397	361	326	351	101%	0%	
	- Số lao động bình quân	Người	265,6	347	328	335	381	365	323	346	100%	0%	
	- Thu nhập bình quân	Tỷ đồng/ng tháng	5,24	7,30	5,69	5,39	5,34	6,16	6,76	5,87	80%	4%	
	- Năng suất lao động	Tỷ đồng/ng tháng	8,43	9,89	9,93	9,53	9,18	10,66	11,66	10,19	103%	4%	
2	Thực hiện đào tạo	Số lượt người	1.558	3.815	524	652	491	221	456	2.344	61%	18%	
4	Kinh phí thực hiện đào tạo	Tỷ đồng	0,93	3,85	0,34	0,35	0,18	0,11	0,15	1,13	29%	-15%	
5	Nghiên cứu khoa học	Đề tài											
5	Kinh phí nghiên cứu khoa học	Tỷ đồng											

13004
 CÔNG
 CỐ P
 NH
 THƯ
 ĐẦU

Handwritten mark

PHỤ LỤC 2: CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA PV BUILDING
(Kèm theo Báo cáo số 01 /BC-PVBLD ngày 12/03/2021)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch năm					Kế hoạch 2021-2025	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 (%)	Ghi chú
				2021	2022	2023 (T/A)	2024	2025			
				2021	2022	2023	2024	2025			
A	B	C	I	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Các chỉ tiêu khối lượng										
I	Sản xuất các sản phẩm										
1.1	Bao nông sản	Triệu bao	18,56	4,32	4,32	4,32	4,32	4,32	21,60		
1.2	Mảnh PP tráng màng	Triệu mét	22,26	10,50	11,03	11,58	12,16	12,16	55,26	5%	
1.3	Mảnh PP bao xi măng	Triệu bao	13,84	3,60	3,60	3,60	3,60	3,60	18,00		
1.4	Bao PE 3 lớp	Triệu bao	33,05	6,60	6,60	5,50	6,60	6,60	31,90	1%	
2	Tiêu thụ sản phẩm/dịch vụ										
2.1	Sản phẩm thương mại										
2.1.1	Polypropylen	Tấn	48.043	13.200	11.000	13.200	13.200	13.200	63.800	1%	
2.1.2	Pallet	Cái	738.400	120.000	100.000	120.000	120.000	120.000	580.000	1%	
2.2	Sản phẩm bao bì										
2.2.1	Bao nông sản	Triệu bao	18,68	4,32	4,32	4,32	4,32	4,32	21,60		
2.2.2	Mảnh PP tráng màng	Triệu mét	22,26	10,50	11,03	11,58	12,16	12,16	55,26	5%	
2.2.3	Mảnh PP bao xi măng	Triệu bao	13,83	3,60	3,60	3,60	3,60	3,60	18,00		
2.2.4	Bao PE 3 lớp	Triệu bao	32,28	6,60	6,60	5,50	6,60	6,60	31,90	1%	
2.3	Doanh thu dịch vụ hậu cần		341,34	71,38	73,29	75,29	77,39	77,39	366,92	3%	
2.3.1	Dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	Tỷ đồng	125,59	29,09	29,09	29,09	29,09	29,09	145,44		
2.3.2	Dịch vụ vận chuyển	Tỷ đồng	129,30	26,61	29,34	30,80	32,34	32,34	147,03	5%	
2.3.3	Dịch vụ hậu cần khác	Tỷ đồng	86,45	14,35	14,87	15,40	15,96	15,96	74,44	4%	
II	Các chỉ tiêu tài chính										
1	Tổng tài sản		240,33	233,26	241,00	308,96	324,43	324,43	273,93	9%	
2	Vốn chủ sở hữu		190,19	193,26	193,50	197,39	199,36	199,36	195,79	1%	
	<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>		175,22	175,22	175,22	175,22	175,22	175,22	175,22		
	<i>- Tỷ lệ tham gia của BSR</i>	%	83,26	83,26	83,26	83,26	83,26	83,26	83,26		
3	Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu	lần	0,26	0,21	0,25	0,34	0,57	0,63	0,40	34%	
4	Hệ số nợ/ vốn điều lệ	lần	0,29	0,23	0,27	0,38	0,64	0,71	0,45	35%	
5	Doanh thu	Tỷ đồng	2.495,50	540,00	562,36	490,05	567,23	569,84	2.729,47	2%	

12/03/2021

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch năm						Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 (%)	Ghi chú
				2021	2022	2023 (T/A)	2024	2025	Kế hoạch 2021-2025		
A	B	C	I	2	3	4	5	6	7	8	9
6	Nợ phải trả	Tỷ đồng	50,14	40,00	47,50	66,55	111,58	125,07	78,14	35%	
6.1	Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	50,14	40,00	44,00	48,40	53,24	58,56	48,84	10%	
6.2	Nợ dài hạn	Tỷ đồng			3,50	18,15	58,34	66,50	29,30		
7	Tổng chi phí	Tỷ đồng	2.416,57	523,60	545,14	471,96	548,24	549,90	2.638,83	2%	
7.1	Chi phí vốn	Tỷ đồng	2.321,88	501,45	521,89	447,55	522,60	522,99	2.516,48	2%	
7.2	Chi phí quản lý Công ty	Tỷ đồng	78,53	17,92	18,82	19,76	20,74	21,78	99,02	5%	
7.3	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	16,16	4,04	4,25	4,46	4,68	4,92	22,35	5%	
7.4	Chi phí tài chính, khác	Tỷ đồng		0,18	0,19	0,20	0,21	0,22	0,99	5%	
7.5	Chi phí lương NLD	Tỷ đồng	121,67	26,77	28,11	29,52	30,99	32,54	147,93	5%	
7.6	Chi phí lương của NQL và thù lao kiêm nhiệm HĐQT, BKS	Tỷ đồng	10,65	2,87	3,01	3,16	3,32	3,49	15,85	5%	
8	Lãi (lỗ)	Tỷ đồng	78,93	16,40	17,22	18,08	18,99	19,94	90,64	5%	
9	Xử lý tài chính										
9.1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	78,93	16,40	17,22	18,08	18,99	19,94	90,64	5%	
9.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	6,51	1,43	1,50	1,57	1,65	1,73	7,89	5%	
9.3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	72,42	14,98	15,72	16,51	17,34	18,20	82,75	5%	
9.4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	46,88	8,93	9,37	9,84	10,33	10,83	49,30	5%	
9.5	Trích các quỹ	Tỷ đồng	14,60	3,71	3,89	4,08	4,29	4,50	20,47	5%	
9.6	Chia cổ tức cho BSR	Tỷ đồng	48,14	9,38	9,85	10,35	10,86	11,41	51,85	5%	
9.7	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	%	6,60	6,43	6,75	7,09	7,45	7,82	7,11	5%	
9.8	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	%	9,01	9,36	9,83	10,32	10,84	11,38	10,35	5%	
9.9	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	6,03	6,42	6,52	6,30	5,61	5,61	6,09	-3%	
9.10	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	7,62	7,75	8,13	8,45	8,78	9,13	8,45	4%	
9.11	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (ROS)	%	2,90	2,77	2,80	3,37	3,06	3,19	3,03	4%	
III	Chỉ tiêu đầu tư										
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	14,10	4,00	7,00	23,50	62,00	22,00	118,50	103%	
	Trong đó: - Đầu tư XD CB	Tỷ đồng			5,00	20,00	60,00		85,00		
	- Mua sắm thiết bị/TSCĐ	Tỷ đồng	23,63	4,00	2,00	3,50	2,00	22,00	33,50	246%	
	- Đầu tư tài chính	Tỷ đồng									

CÔNG TY CỔ PHẦN

N

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch năm					Kế hoạch 2021-2025	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 (%)	Ghi chú
				2021	2022	2023 (T/A)	2024	2025			
A	B	C	I	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng		4,00	7,00	23,50	62,00	22,00	118,50	103%	
	Trong đó:										
	- Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	23,63	4,00	3,50	8,50	20,00	8,00	44,00	51%	
	- Vốn vay + khác	Tỷ đồng		3,50	3,50	15,00	42,00	14,00	74,50		
3	Các Dự án khởi công, khánh thành (*)										
IV	Các chỉ tiêu khác										
	Lao động và thu nhập:										
	- Số lao động cuối kỳ	Người	351	340	347	354	361	368	354	2%	
	- Số lao động bình quân trong kỳ	Người	346	338	341	344	347	350	344	1%	
	- Tiền lương bình quân	Trđ/ng tháng	5,87	6,60	6,87	7,15	7,44	7,75	7,16	4%	
	- Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu trừ chi phí chưa lương)	Trđ/ng	10,16	11,35	11,81	12,30	12,80	13,33	12,32	4%	
	- Mức sinh lợi bình quân của lao động	Trđ/ng	41,81	44,31	46,11	48,00	49,96	52,01	48,08	4%	
	- Hiệu suất tiền lương	%	54,73	50,53	50,53	50,53	50,53	50,53	50,53		
2	Thực hiện đào tạo	Lượt người	2.344	500	600	600	550	700	2.950	10%	
3	Kinh phí thực hiện đào tạo	Tỷ đồng	1,13	0,50	0,90	1,00	0,90	1,00	4,30	23%	
4	Nghiên cứu khoa học	Đề tài									
5	Kinh phí nghiên cứu khoa học	Tỷ đồng									



100

PHỤ LỤC 3: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ, MUA SẴM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CỦA PV BUILDING

(Kèm theo Báo cáo số 01 /BC-PVBLD ngày 12/3 /2021)

TT		Tên dự án		Kế hoạch 05 năm 2021 - 2025 (giá trị thực hiện đầu tư)												Ghi chú								
				Năm 2021				Năm 2022				Năm 2023					Năm 2024				Năm 2025			
				Tổng số	Vốn chủ sở hữu		Vốn vay+ khác	Tổng số	Vốn chủ sở hữu		Vốn vay+ khác	Tổng số	Vốn chủ sở hữu		Vốn vay+ khác		Tổng số	Vốn chủ sở hữu		Vốn vay+ khác	Tổng số	Vốn chủ sở hữu		Vốn vay+ khác
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23				
		Vốn BSR cấp	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay+ khác	Tổng số	Vốn BSR cấp	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay+ khác	Tổng số	Vốn BSR cấp	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay+ khác	Tổng số	Vốn BSR cấp	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay+ khác	Tổng số	Vốn BSR cấp	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay+ khác				
1	2																							
		4,0	-	4,0	-	7,0	3,5	3,5	7,0	-	8,5	15,0	62,0	-	20,0	42,0	22,0	-	8,0	14,0				
I	Các dự án đầu tư xây dựng	-	-	-	5,00	1,50	3,50	20,00	-	5,00	15,00	60,00	-	-	42,00	-	-	-	-	-				
1	Dự án nhóm A																							
2	Dự án nhóm B																							
3	Dự án nhóm C																							
3.1	Dự án chuyển tiếp																							
3.2	Dự án khởi công mới																							
3.2.1	Xây dựng kho chứa nguyên liệu phục vụ sản xuất bao bì																							
3.3	Dự án chuẩn bị đầu tư																							
3.3.1	Đẩy chuyển PE 3 lớp																							
3.3.2	Xưởng gia công Pallet gỗ																							
3.3.3	Hệ thống kinh doanh xăng dầu																							
II	Mua sắm tài sản	4,0	-	4,0	-	2,0	-	3,5	-	3,5	-	2,0	-	2,0	-	22,0	-	8,0	14,0					
1	Mua xe ô tô	3,0		3,0																				
2	Máy phát điện dự phòng	1,0		1,0																				
3	Mua sắm máy in công nghiệp																							
4	Tiết bị văn phòng																							
5	Thiết bị phục vụ sản xuất																							
III	Đầu tư khác																							



10

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30

011250
CÔNG TY
TNHH
ELOY
VIỆT NAM
G.Đ.A.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đức Hợp	Chủ tịch
Ông Trần Đoàn Thịnh	Thành viên
Bà Hà Thị Hoa	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Xuân Thu	Giám đốc
-------------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC



Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ông Trần Xuân Thu đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Xuân Thu

Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Số: 0619 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập Ngày 12 tháng 3 năm 2021, từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số số liệu năm trước trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 do hạch toán bổ sung tiền thuê đất năm 2018 và năm 2019 theo Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan tới vấn đề này.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1



Nguyễn Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1472-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

141 010 2021 01 01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		145.014.310.716	132.178.943.025
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	24.732.851.428	32.293.741.383
1.	Tiền	111		8.630.169.978	7.191.059.933
2.	Các khoản tương đương tiền	112		16.102.681.450	25.102.681.450
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		56.166.010.000	2.000.000.000
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	56.166.010.000	2.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.817.892.211	61.082.723.867
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	35.760.171.105	57.246.662.419
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		500.947.336	3.529.570.880
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.061.588.016	811.304.814
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(504.814.246)	(504.814.246)
IV.	Hàng tồn kho	140	10	24.312.413.633	35.405.791.439
1.	Hàng tồn kho	141		24.321.768.002	35.533.545.791
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.354.369)	(127.754.352)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		985.143.444	1.396.686.336
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	985.143.444	1.396.686.336
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89.261.663.154	94.076.338.975
I.	Tài sản cố định	220		81.753.216.085	89.789.953.841
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	81.753.216.085	89.789.953.841
	- Nguyên giá	222		186.904.734.203	185.494.208.777
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(105.151.518.118)	(95.704.254.936)
2.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		93.106.000	93.106.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(93.106.000)	(93.106.000)
II.	Tài sản dài hạn khác	260		7.508.447.069	4.286.385.134
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	11	7.508.447.069	4.286.385.134
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		234.275.973.870	226.255.282.000
(270=100+200)					

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		43.611.654.952	35.068.048.849
I. Nợ ngắn hạn	310		43.611.654.952	35.068.048.849
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	29.896.799.976	21.756.141.635
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	2.301.279.179	3.656.413.745
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	4.170.028.362	2.080.002.991
4. Phải trả người lao động	314		2.514.270.187	4.189.912.712
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.653.620.931	1.397.605.946
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.075.656.317	1.987.971.820
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		190.664.318.918	191.187.233.151
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	190.664.318.918	191.187.233.151
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		175.222.845.365	175.222.845.365
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		175.222.845.365	175.222.845.365
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.931.055.044	2.931.055.044
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		128.162.657	128.162.657
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.382.255.852	12.905.170.085
- Lũy kế đến cuối năm trước	421a		(613.238.897)	(447.865.835)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		12.995.494.749	13.353.035.920
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		234.275.973.870	226.255.282.000



Nguyễn Thị Thúy Vân
 Người lập biểu



Huỳnh Việt Cường
 Kế toán trưởng



Trần Xuân Thu
 Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

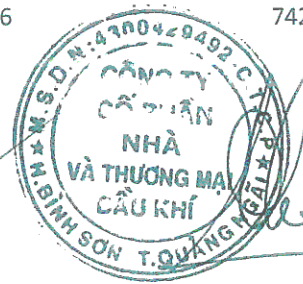
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	353.869.055.711	337.055.552.641
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	-	3.369.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		353.869.055.711	337.052.183.641
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	320.800.268.788	300.873.380.614
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		33.068.786.923	36.178.803.027
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	3.636.776.788	863.630.916
7. Chi phí tài chính	22		73.865.018	1.517.968
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		61.264.402	-
8. Chi phí bán hàng	25	24	3.854.338.565	3.353.674.111
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	16.975.024.898	16.732.218.338
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		15.802.335.230	16.955.023.526
11. Thu nhập khác	31		814.008.934	220.664.821
12. Chi phí khác	32		18.975.737	192.642.591
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		795.033.197	28.022.230
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		16.597.368.427	16.983.045.756
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	2.101.873.678	2.130.009.836
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		14.495.494.749	14.853.035.920
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	742	637



Nguyễn Thị Thúy Vân
 Người lập biểu



Huỳnh Việt Cường
 Kế toán trưởng



Trần Xuân Thu
 Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.597.368.427	16.983.045.756
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	14.131.653.722	14.036.795.445
Các khoản dự phòng	03	(118.399.983)	(91.766.671)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.535.291.135)	(863.514.550)
Chi phí lãi vay	06	61.264.402	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	26.136.595.433	30.064.559.980
Giảm các khoản phải thu	09	24.213.520.305	26.197.946.042
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	11.211.777.789	(7.066.269.256)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.662.469.289	(25.901.852.267)
Tăng chi phí trả trước	12	(2.810.519.043)	(143.937.607)
Tiền lãi vay đã trả	14	(61.264.402)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.930.864.948)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.143.542.750)	(2.874.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	61.278.171.673	20.276.096.892
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.607.040.748)	(762.510.466)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.725.454.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(54.166.010.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.528.406.523	708.899.713
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(57.519.189.680)	(53.610.753)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	14.911.222.201	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(14.911.222.201)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.319.871.948)	(8.468.913.756)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(11.319.871.948)</i>	<i>(8.468.913.756)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(7.560.889.955)	11.753.572.383
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	32.293.741.383	20.540.169.000
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	24.732.851.428	32.293.741.383

Nguyễn Thị Thúy Vân
Người lập biểu



Huỳnh Việt Cường
Kế toán trưởng

Trần Xuân Thu
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí - tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4300429492 ngày 02 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 19 tháng 8 năm 2019.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 326 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 351).

Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng nhà các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- In ấn trên các sản phẩm bao bì;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Điều hành tour du lịch;
- Bán buôn gạo, đồ uống;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh,
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Đại lý du lịch;
- Bán buôn chuyên doanh khác: Mua, bán bã sắn; Mua, bán tro bay; Mua, bán xỉ than;
- Quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới, khu dân cư tập trung về đường giao thông, hệ thống cấp, thoát nước, chiếu sáng công cộng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Cung cấp, quản lý các dịch vụ nhà ở cao tầng: giữ gìn vệ sinh, trật tự, dịch vụ điện, nước, trông giữ xe đạp, xe máy;

- Vận hành bảo trì thang máy, sửa chữa, duy tu, cải tạo công trình, quản lý khu công cộng trong nhà chung cư, khai thác các dịch vụ ki ốt;
- Dịch vụ vệ sinh môi trường: thu gom và vận chuyển rác thải, chất thải rắn;
- Vận hành khai thác và xử lý chế biến các chất thải đô thị;
- Quản lý chăm sóc vườn hoa thảm cỏ, công viên cây xanh, cây xanh đường phố;
- Quản lý, khai thác dịch vụ thể thao: Tennis, cầu lông, bóng bàn, bida, bể bơi nước nóng, nước lạnh, thể dục thẩm mỹ, thể hình, vui chơi mặt nước và các trò chơi khác trong công viên, sân bãi, bơi thuyền, công viên nước, câu cá giải trí;
- Khai thác dịch vụ sân bãi đỗ xe tại các đô thị;
- Đại lý xăng dầu;
- Khai thác và quản lý các dịch vụ văn phòng: cung cấp các dịch vụ bảo vệ trong các dự án đầu tư nhà ở và khu đô thị;
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách và hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ vận tải công cộng bằng xe buýt tại các đô thị;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);
- Mua bán hạt nhựa;
- Trang trí nội ngoại thất công trình;
- Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động và tổ chức sự kiện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Sự kiện trọng yếu phát sinh trong năm

Virus chủng mới (loại Covid-19) đã và đang gây ra một số biến động đối với nền kinh tế Việt Nam. Các biện pháp hiệu quả và chủ động đã được Chính phủ Việt Nam áp dụng, phù hợp với các yêu cầu của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) để ngăn chặn dịch bệnh này, bao gồm nhưng không giới hạn trong việc hạn chế đi lại và giữ khoảng cách trong giao tiếp. Do đó, điều này có thể ảnh hưởng gián tiếp đến hoạt động chính của Công ty. Ban Giám đốc đang đánh giá các tác động tiềm tàng của Covid-19 đối với hoạt động kinh doanh, tài chính và quản trị của Công ty trong năm 2021, cùng với việc xây dựng các kế hoạch ứng phó phù hợp trong ngắn hạn và dài hạn

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4, Ban Giám đốc Công ty đã trình bày lại một số số liệu so sánh trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 do hạch toán bổ sung tiền thuế đất năm 2018 và năm 2019 theo Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với hàng hóa mua ngoài, giá gốc hàng hóa mua vào bao gồm: Giá mua, chi phí thu mua (vận chuyển, bốc xếp, bảo quản hàng từ nơi mua về kho doanh nghiệp, chi phí bảo hiểm,...), thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường (nếu có). Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, riêng đối với hàng hóa được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra

để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	
- Phân xưởng sản xuất bao bì	23
- Khác	5 - 20
Máy móc, thiết bị	
- Phân xưởng sản xuất bao bì	20
- Khác	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị quản lý	5 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, bao gồm chi phí bảo dưỡng, sửa chữa, chi phí bảo hiểm, khám sức khỏe cho nhân viên, chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí trả trước khác.

Chi phí trả trước là các chi phí sửa chữa văn phòng, khu nhà cho thuê, nhà xưởng, và các chi phí sửa chữa phương tiện vận tải, máy móc khác được phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí mua bảo hiểm, khám sức khỏe cho nhân viên thể hiện số tiền bảo hiểm đã được trả trước. Tiền bảo hiểm trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

Chi phí trả trước khác bao gồm các công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí khác phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty và được phân bổ không quá 36 tháng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh khác và thuế suất 10% tính trên thu nhập chịu thuế của dự án Nhà máy Sản xuất Bao bì Polypropylene trong thời hạn 15 năm kể từ ngày dự án đầu tư bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế năm 2011 và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

1001
CÔ
T
DEL
VIỆ
V.G. E

4. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Trong năm, Ban giám đốc Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số số liệu năm so sánh trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 do hạch toán bổ sung tiền thuê đất năm 2018 và năm 2019 theo Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh hồi tố	Số trình bày lại
		VND	VND	VND

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2019

NỢ PHẢI TRẢ

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	813.764.355	1.266.238.636	2.080.002.991
Phải trả người lao động	314	4.842.912.451	(652.999.739)	4.189.912.712

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a	-	(447.865.835)	(447.865.835)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	13.518.408.982	(165.373.062)	13.353.035.920

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	10	300.606.134.743	267.245.871	300.873.380.614
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	36.446.048.898	(267.245.871)	36.178.803.027
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	16.788.172.916	(55.954.578)	16.732.218.338
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	17.194.337.049	(211.291.293)	16.983.045.756
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	2.175.928.067	(45.918.231)	2.130.009.836
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	15.018.408.982	(165.373.062)	14.853.035.920

III. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lợi nhuận trước thuế	01	17.194.337.049	(211.291.293)	16.983.045.756
Điều chỉnh cho các khoản:				
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế TNDN phải nộp)	11	(26.113.143.560)	211.291.293	(25.901.852.267)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	29.062.084	24.455.059
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.601.107.894	7.166.604.874
Các khoản tương đương tiền (i)	16.102.681.450	25.102.681.450
	24.732.851.428	32.293.741.383

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Giá trị ghi sổ	Giá gốc	VND Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	56.166.010.000	56.166.010.000	2.000.000.000	2.000.000.000
	56.166.010.000	56.166.010.000	2.000.000.000	2.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 12 tháng với mức lãi suất dao động từ 3,7%/năm đến 6,6%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	25.489.184.689	43.616.077.342
Công ty Cổ phần Fococev Tây Nguyên	1.787.142.000	755.000.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	8.483.844.416	12.875.585.077
	35.760.171.105	57.246.662.419
Trong đó		
- Phải thu khách hàng từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 27)	25.539.184.689	47.342.037.709

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi tiền gửi dự thu	2.335.728.772	230.040.123
Ký quỹ, ký cược	131.660.100	-
Phải thu khác	594.199.144	581.264.691
	3.061.588.016	811.304.814
Trong đó		
- Phải thu khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 27)	504.814.246	504.814.246

9. NỢ XẤU

Đối tượng	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị dự phòng đã trích lập	VND Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị dự phòng đã trích lập	VND Giá trị có thể thu hồi
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	169.784.400	169.784.400	-	169.784.400	169.784.400	-
Tổng Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Dầu khí	335.029.846	335.029.846	-	335.029.846	335.029.846	-
	504.814.246	504.814.246	-	504.814.246	504.814.246	-

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản nợ phải thu trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.510.747.646	(9.354.369)	21.648.492.782	(10.113.000)
Công cụ, dụng cụ	3.237.258.010	-	2.547.999.834	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.939.910.390	-	2.387.850.775	-
Thành phẩm	8.609.602.949	-	8.850.250.593	(117.641.352)
Hàng hoá	24.249.007	-	98.951.807	-
	24.321.768.002	(9.354.369)	35.533.545.791	(127.754.352)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nguyên vật liệu và thành phẩm dùng để gia công các sản phẩm khác với số tiền là 118.399.983 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 91.766.671 VND).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Chi phí công cụ, dụng cụ	376.222.056	551.913.896
- Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	244.841.872	386.793.347
- Chi phí mua bảo hiểm, khám sức khỏe cho nhân viên	317.787.608	294.661.335
- Khác	46.291.908	163.317.758
	985.143.444	1.396.686.336
b. Dài hạn		
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1.476.326.281	1.399.558.488
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	5.985.947.230	2.812.514.553
- Chi phí bảo hiểm xe ô tô	-	36.823.600
- Khác	46.173.558	37.488.493
	7.508.447.069	4.286.385.134

12. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	85.084.386.330	72.844.142.144	27.468.089.393	97.590.510	185.494.208.777
Tặng trong năm	-	1.310.300.000	7.527.054.548	81.820.000	8.919.174.548
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.508.649.122)	-	(7.508.649.122)
Số dư cuối năm	85.084.386.330	74.154.442.144	27.486.494.819	179.410.510	186.904.734.203
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	35.588.207.418	45.633.970.757	14.449.215.820	32.860.541	95.704.254.936
Khấu hao trong năm	4.347.009.264	6.505.381.727	3.247.427.567	31.835.164	14.131.653.722
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.684.390.540)	-	(4.684.390.540)
Số dư cuối năm	39.935.216.682	52.139.352.484	13.012.252.847	64.696.105	105.151.518.118
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	49.496.178.912	27.210.171.387	13.018.873.573	64.729.969	89.789.953.841
Tại ngày cuối năm	45.149.169.648	22.015.089.660	14.474.241.972	114.714.805	81.753.216.085

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 10.946.404.713 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.898.842.963 VND).

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	VND	Giá trị	VND
		Số có khả năng		Số có khả năng
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	23.379.278.095	23.379.278.095	15.898.947.552	15.898.947.552
Các đối tượng khác	6.517.521.881	6.517.521.881	5.857.194.083	5.857.194.083
	29.896.799.976	29.896.799.976	21.756.141.635	21.756.141.635
Trong đó				
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 27)	24.105.607.055	24.105.607.055	16.712.712.952	16.712.712.952

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần Đầu tư Phú Bình Group	1.381.743.045	-
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP)	507.050.588	3.520.729.520
Các đối tượng khác	412.485.546	135.684.225
	2.301.279.179	3.656.413.745

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	429.952.263	8.436.579.128	7.658.920.531	1.207.610.860
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	327.165.360	2.101.873.678	1.930.864.948	498.174.090
Thuế thu nhập cá nhân	56.997.968	410.195.287	420.588.585	46.604.670
Tiền thuê đất (*)	1.265.887.400	1.151.751.342	-	2.417.638.742
Thuế khác	-	798.533.498	798.533.498	-
	2.080.002.991	12.898.932.933	10.808.907.562	4.170.028.362

(*) Công ty hạch toán bổ sung tiền thuê đất năm 2018 và năm 2019 theo Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, đồng thời hạch toán giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Theo đó, tổng số tiền ghi nhận bổ sung trên khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" sau các ảnh hưởng trên là khoảng 1,26 tỷ đồng.

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	124.648.767	101.233.018
Các quỹ ủng hộ, từ thiện	194.128.835	194.128.835
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	606.904.000	606.904.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	727.939.329	495.340.093
	<u>1.653.620.931</u>	<u>1.397.605.946</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Quỹ đầu tư phát VND	Quỹ khác thuộc VND	Lợi nhuận VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước (Trình bày lại)	175.222.845.365	2.931.055.044	128.162.657	9.538.354.812	187.820.457.878
Lợi nhuận trong năm (Trình bày lại)	-	-	-	14.853.035.920	14.853.035.920
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018	-	-	-	(1.250.688.141)	(1.250.688.141)
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Trích Quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm 2018	-	-	-	(266.658.750)	(266.658.750)
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	(8.468.913.756)	(8.468.913.756)
Số dư đầu năm nay (Trình bày lại)	175.222.845.365	2.931.055.044	128.162.657	12.905.170.085	191.187.233.151
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	14.495.494.749	14.495.494.749
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019 (*)	-	-	-	(1.888.227.247)	(1.888.227.247)
Tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020 (*)	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Trích Quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm 2019 (*)	-	-	-	(310.309.787)	(310.309.787)
Chia cổ tức năm 2019 (*)	-	-	-	(11.319.871.948)	(11.319.871.948)
Số dư cuối năm nay	175.222.845.365	2.931.055.044	128.162.657	12.382.255.852	190.664.318.918

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-PVBLD ngày 23 tháng 4 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 3.388.227.247 VND (Công ty đã tạm trích trong năm 2019 số tiền 1.500.000.000 VND nên trích bổ sung trong năm nay là 1.888.227.247 VND);
- Trích Quỹ thưởng ban điều hành: 310.309.787 VND;
- Chia cổ tức bằng tiền: 11.319.871.948 VND (đã thanh toán trong năm).
- Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020 với số tiền là 1.500.000.000 VND.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 20 ngày 19 tháng 8 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 175.222.840.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh		Vốn đã góp	
	VND	(%)	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	145.892.840.000	83,26	145.892.845.365	145.892.845.365
Khách sạn Cẩm Thành	5.500.000.000	3,14	5.500.000.000	5.500.000.000
Các cổ đông khác	23.830.000.000	13,60	23.830.000.000	23.830.000.000
	175.222.840.000	100	175.222.845.365	175.222.845.365

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ	5.171,51	23.275,71

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong năm, Công ty chỉ thực hiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất bao bì và các lĩnh vực khác (kinh doanh hạt nhựa, khí hóa lỏng, cho thuê nhà, dịch vụ quản lý nhà...) và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Báo cáo bộ phận được lập cho mục đích quản trị doanh nghiệp. Công ty không theo dõi riêng tài sản, nợ phải trả bộ phận. Công ty theo dõi doanh thu, chi phí và kết quả của từng bộ phận như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chỉ tiêu	Sản xuất bao bì VND	Thương mại VND	Tổng VND
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	93.224.022.071	260.645.033.640	353.869.055.711
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung	76.552.790.025	244.247.478.763	320.800.268.788
3. Chi phí bán hàng	2.510.121.077	1.344.217.488	3.854.338.565
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.020.144.702	11.954.880.196	16.975.024.898
5. Doanh thu hoạt động tài chính	-	3.636.776.788	3.636.776.788
6. Chi phí tài chính	-	73.865.018	73.865.018
7. Thu nhập khác	-	814.008.934	814.008.934
8. Chi phí khác	9.909.393,00	9.066.344	18.975.737
9. Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.131.056.874	7.466.311.553	16.597.368.427

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chỉ tiêu	Sản xuất bao bì	Thương mại	Tổng
	(Trình bày lại)	(Trình bày lại)	(Trình bày lại)
	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	88.001.682.849	249.050.500.792	337.052.183.641
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	70.720.142.639	230.153.237.975	300.873.380.614
3. Chi phí bán hàng	2.377.491.969	976.182.142	3.353.674.111
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.033.940.748	11.698.277.590	16.732.218.338
5. Doanh thu hoạt động tài chính	-	863.630.916	863.630.916
6. Chi phí tài chính	-	1.517.968	1.517.968
7. Thu nhập khác	-	220.664.821	220.664.821
8. Chi phí khác	-	192.642.591	192.642.591
9. Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.870.107.493	7.112.938.263	16.983.045.756

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
Doanh thu bán hạt nhựa	125.207.988.353	92.088.463.692
Doanh thu sản phẩm Nhà máy Bao bì	93.224.022.071	88.005.051.849
Doanh thu bán pallet	59.492.540.600	73.073.868.000
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	31.254.100.863	25.644.218.892
Doanh thu dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	28.777.604.509	29.117.142.266
Doanh thu dịch vụ nhà hàng	823.729.229	931.389.380
Doanh thu dịch vụ khác	15.089.070.086	28.195.418.562
	353.869.055.711	337.055.552.641
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết trình bày ở Thuyết minh số 27)	163.338.149.624	178.900.210.912
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	-	3.369.000

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Giá vốn bán hạt nhựa	123.863.646.697	90.993.060.134
Giá vốn sản phẩm Nhà máy Bao bì	76.552.790.025	70.720.142.639
Giá vốn bán Pallet	57.456.586.558	70.684.377.014
Giá vốn dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	22.633.260.281	18.740.023.028
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	25.917.439.211	22.602.889.530
Giá vốn dịch vụ nhà hàng	791.353.761	776.731.766
Giá vốn dịch vụ khác	13.585.192.255	26.356.156.503
	320.800.268.788	300.873.380.614

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.070.585.073	82.979.303.379
Chi phí nhân công	41.945.625.751	37.618.487.473
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.131.653.722	14.036.795.445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.227.567.195	46.666.821.576
Chi phí khác	10.367.801.592	2.145.218.781
	158.743.233.333	183.446.626.654

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.634.095.172	863.514.550
Khác	2.681.616	116.366
	3.636.776.788	863.630.916

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	9.644.445.135	8.472.705.403
Chi phí công cụ, dụng cụ và các khoản phân bổ	714.060.418	530.254.751
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.278.975.559	1.348.184.426
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.529.739.812	5.267.705.971
Chi phí khác	3.807.803.974	1.113.367.787
	16.975.024.898	16.732.218.338
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	1.563.207.468	1.458.771.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	424.320.124	1.776.295.673
Chi phí khác	1.866.810.973	118.607.108
	3.854.338.565	3.353.674.111

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	16.597.368.427	16.983.045.756
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>924.457.051</i>	<i>1.180.438.698</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	17.521.825.478	18.163.484.454
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%</i>	<i>8.171.882.697</i>	<i>8.145.570.754</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 10%</i>	<i>9.349.942.781</i>	<i>10.017.913.700</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.569.370.817	2.630.905.521
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (*)	(467.497.139)	(500.895.685)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.101.873.678	2.130.009.836

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ hai ngày 04 tháng 01 năm 2016, Công ty được thừa kế và hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án cho thời gian còn lại của dự án Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene. Dự án được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời hạn 15 năm kể từ ngày dự án đầu tư bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế năm 2011 và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	14.495.494.749	14.853.035.920
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.500.000.000)	(3.388.227.247)
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành		(310.309.787)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.995.494.749	11.154.498.886
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.522.284	17.522.284
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	742	637

(*) Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-PVBLD ngày 23 tháng 4 năm 2020. Quỹ khen thưởng, phúc lợi này có thể thay đổi theo phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông năm 2020, theo đó, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 sẽ thay đổi tương ứng.

Đồng thời, Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bằng số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ngày 23 tháng 4 năm 2020.

Ngoài ra, như trình bày tại Thuyết minh số 4, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố một số số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, trong đó bao gồm chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế TNDN”.

Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày lại như sau:

	Năm trước (Trình bày lại) VND	Năm trước (Số đã báo cáo) VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	14.853.035.920	15.018.408.982
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(3.388.227.247)	(1.500.000.000)
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành	(310.309.787)	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.154.498.886	13.518.408.982
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.522.284	17.522.284
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	637	771

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty mẹ
Khách sạn Cẩm Thành	Cổ đông
Các đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Trong cùng Tập đoàn

32
 NH
 HƯC
 ĐU
 NG
 PH
 TH
 LON
 OK
 T.6
 I
 77
 A
 I.P
 II

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	162.995.967.809	171.623.014.518
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	318.181.815	327.272.724
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Trung	24.000.000	96.000.000
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	-	6.853.923.670
	163.338.149.624	178.900.210.912
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	131.645.948.964	91.705.793.149
Khách sạn Cẩm Thành	3.272.727.270	4.046.557.269
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	2.231.818.180	2.406.192.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOil Miền Trung	1.595.886.264	2.111.845.363
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	171.943.370	154.313.752
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	60.000.000	-
	138.978.324.048	100.424.701.533
Cố tức trả trong năm		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	9.424.925.384	7.046.624.172
Khách sạn Cẩm Thành	355.443.979	265.650.000
	9.780.369.363	7.312.274.172

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	2.396.185.000	2.426.524.243
	2.396.185.000	2.426.524.243

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	25.489.184.689	43.616.077.342
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	50.000.000	30.000.000
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	-	3.695.960.367
	25.539.184.689	47.342.037.709
Phải thu khác		
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	169.784.400	169.784.400
Tổng Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Dầu khí	335.029.846	335.029.846
	504.814.246	504.814.246
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	23.379.278.095	15.898.947.552
Khách sạn Cẩm Thành	360.000.000	360.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	198.000.000	220.316.800
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	168.328.960	233.448.600
	24.105.607.055	16.712.712.952

28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 312.133.800 VND (2019: 0 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.


 Nguyễn Thị Thúy Vân
 Người lập biểu


 Huỳnh Việt Cường
 Kế toán trưởng


 Trần Xuân Thu
 Giám đốc



Ngày 12 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**Phần thứ nhất
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021**

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

Năm 2020, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện việc tái cơ cấu theo định hướng của Tập đoàn và phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông; với tinh thần phấn đấu nỗ lực không ngừng của CB-NLĐ, tư duy năng động của HĐQT và Ban điều hành kết hợp với sự quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi của các cổ đông, nhất là Cổ đông BSR (cổ đông chi phối) nên kết quả SXKD của Công ty cơ bản đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được giữ ổn định: Lĩnh vực hậu cần phục vụ cho NMLD Dung Quất tiếp tục được xác định là nhiệm vụ cốt lõi; lĩnh vực sản xuất kinh doanh các sản phẩm bao bì được duy trì sự ổn định trước sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường; lĩnh vực kinh doanh thương mại đã có một số hướng đi mới.

Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2020	Thực hiện 2020	Ghi chú
I	CHỈ TIÊU SXKD				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	257,00	358,32	
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	16,00	16,60	
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	9,10	12,90	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	14,24	14,50	
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	7,40	7,60	
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	6,10	6,23	
II	TIỀN LƯƠNG				
1	Định mức lao động	Người	390	326	
2	Lao động bình quân	Người	370	323	
3	Năng suất lao động BQ theo tổng DT trừ chi phí chưa lương	Trđ/ng/th	10,251	11,660	
4	Mức tiền lương bình quân	Trđ/th	5,942	6,759	
5	Quỹ tiền lương NLĐ	Tỷ đồng	26,384	26,198	

II. Kết quả công tác của HĐQT

1. Hoạt động của HĐQT theo thẩm quyền và thực hiện ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện quyền lợi cho các cổ đông, trong năm 2020, HĐQT với 03 thành viên (01 Chủ tịch, 01 thành viên chuyên trách và 01 thành viên không chuyên trách) đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ quản trị Công ty đúng quy định; HĐQT có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên và hoạt động trên nguyên tắc ra quyết định tập thể.

Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 23/4/2020;

Trên cơ sở các chỉ tiêu được ĐHCĐ giao và tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty, HĐQT họp, thảo luận dân chủ và ra Nghị quyết/Quyết định kịp thời về các vấn đề quan trọng, các định hướng lớn của Công ty để Giám đốc Công ty triển khai thực hiện, cụ thể:

Tổ chức 04 phiên họp HĐQT, các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị đầy đủ về nội dung, đảm bảo trình tự, nguyên tắc theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp; trong năm tổ chức 08 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT; trên cơ sở các kỳ họp và các lần lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị đã ban hành 07 Nghị quyết, 13 Quyết định về chủ trương liên quan đến công tác chỉ đạo, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (có danh mục đính kèm).

Thực hiện đúng quy định việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2020 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Thực hiện tốt việc chi trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT và các thành viên đã trực tiếp tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc việc chuẩn bị các nội dung trình HĐQT/Đại hội đồng cổ đông.

Bên cạnh việc hoàn thành các nhiệm vụ chung của Hội đồng quản trị, từng thành viên đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo sự phân công, cụ thể:

1.1 Ông **Trần Đức Hợp** - Chủ tịch HĐQT chuyên trách: Điều hành công việc của Hội đồng quản trị theo chương trình công tác năm; triệu tập, tổ chức các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành Nghị quyết, Quyết định đúng quy định, kịp thời trong công tác chỉ đạo, ban hành các quyết sách quan trọng trong Công ty; trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch, tổ chức nhân sự, công tác đầu tư.

1.2 Bà **Hà Thị Hoa** - Thành viên HĐQT chuyên trách: Trực tiếp giám sát lĩnh vực tài chính, kinh doanh thương mại và phát triển thị trường, công tác mua sắm; đã có đóng góp tích cực trong quá trình hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý nội bộ Công ty cũng như công tác quản lý, giám sát điều hành hoạt động SXKD của Công ty;

1.3 Ông **Trần Đoàn Thịnh** - Thành viên HĐQT kiêm nhiệm: Trực tiếp theo dõi công tác thoái vốn của Cổ đông chi phối (BSR) tại Công ty, giám sát và hỗ trợ việc phát triển lĩnh vực kinh doanh mới; ngoài ra, có nhiều đóng góp sáng tạo, kịp thời cho hoạt động giám sát, điều hành của HĐQT và Ban điều hành trong từng lĩnh vực kinh doanh cụ thể góp phần hoàn thành kế hoạch năm 2020.

2. Công tác giám sát hoạt động của bộ máy điều hành

- Song song với việc định kỳ làm việc với Ban điều hành, HĐQT đã trực tiếp làm việc với các phòng chức năng của Công ty để tìm hiểu, nắm bắt tình hình hoạt động của từng bộ phận về yêu cầu công việc và khả năng đáp ứng của từng nhiệm vụ để góp ý kiến về công tác điều hành và giải pháp thực hiện tối ưu.

- Qua các kỳ họp HĐQT định kỳ đã xem xét, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh từng Quý và đề ra kế hoạch thực hiện cho kỳ tới; nhằm đảm bảo thực hiện kế hoạch sản xuất từng kỳ và cả năm.

Nhận xét đánh giá hoạt động của bộ máy điều hành

Trong năm 2020, nhân sự Ban điều hành (Giám đốc, Kế toán Trưởng và Trưởng cấp phòng) đều có trình độ, năng lực, phẩm chất và được đào tạo về chuyên môn, am hiểu lĩnh vực mình phụ trách, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

3.1 Những việc đã làm được:

- Năm 2020, các chủ trương của ĐHCĐ và HĐQT đã được Giám đốc và Ban điều hành Công ty triển khai: Công tác tài chính, kế toán, thống kê, kế hoạch, quản trị chi phí đã được chú trọng, tài sản và tiền vốn của Công ty được quản lý chặt chẽ.

- Bộ máy tổ chức của Công ty được củng cố và hoàn thiện phù hợp với mô hình của Công ty, nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Đội ngũ cán bộ được rà soát, xem xét, bố trí theo chuyên môn được đào tạo. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, cán bộ từng bước được thực hiện đúng quy định.

- Căn cứ vào tình hình thực tế và định hướng phát triển, Giám đốc và Ban điều hành đã có những giải pháp hợp lý, chủ động tìm ra các hướng đi mới, mở rộng quy mô, ngành nghề SXKD của Công ty.

- Ban điều hành nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành hoạt động SXKD; đồng thời tham mưu và ban hành các văn bản quản lý nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của Công ty; Thực hiện tốt được vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành.

- Các chế độ, chính sách đối với người lao động được Công ty thực hiện nghiêm túc. Công tác thi đua khen thưởng đã kịp thời động viên cá nhân và tập thể có thành tích tốt, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.2 Những việc còn hạn chế, khuyết điểm:

Bên cạnh những việc làm được đã nêu, HĐQT nhận thấy bộ máy điều hành vẫn

204
HỘI
HỘI
HỘI
HỘI
HỘI

còn một số việc chưa được giải quyết triệt để; Cụ thể là:

- Công tác tham mưu xây dựng chiến lược Công ty có chú trọng nhưng chưa được triển khai đồng bộ.

- Công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất bao bì nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng hơn phù hợp với năng lực sản xuất và nhu cầu thị trường vẫn còn bất cập.

- Việc xây dựng hệ thống phân phối hạt nhựa PP theo định hướng tái cấu trúc có đề cập nhưng chưa triển khai đồng bộ, chưa xây dựng được hệ thống bán lẻ.

- Công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động có chú trọng nhưng chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu phát sinh.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021

1. Mục tiêu:

Vận hành Nhà máy sản xuất bao bì đảm bảo an toàn, tối ưu hóa năng lực sản xuất hiện có, nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát tốt ở tất cả các khâu trong quá trình sản xuất để tăng hiệu quả đối với các dòng sản phẩm hiện có.

Đẩy mạnh công tác thị trường, mở rộng đầu tư sản xuất các loại sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu khách hàng, chú trọng hơn trong công tác nghiên cứu sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tạo các dây chuyền sản xuất hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất ngày càng nhiều hơn, sản phẩm đa dạng hơn, chất lượng tốt hơn.

Tập trung nghiên cứu, nắm bắt thị trường để mở rộng danh mục sản phẩm kinh doanh, củng cố quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng chủ chốt cùng với mở rộng danh sách khách hàng tiềm năng. Chú trọng hơn nữa công tác mở rộng danh mục sản phẩm, thị trường tiêu thụ.

Nắm chắc tình hình thị trường, tìm kiếm và lựa chọn đối tác uy tín, đảm bảo triển khai an toàn, hiệu quả việc phân phối sản phẩm hạt nhựa PP.

Tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Nhanh nhạy nắm bắt thông tin thị trường để triển khai các gói thầu cung cấp dịch vụ cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất và các đơn vị khác.

Mở rộng thêm một số lĩnh vực dịch vụ hậu cần khác trên cơ sở tận dụng các điều kiện sẵn có của đơn vị.

Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, kiện toàn hệ thống văn bản pháp lý và tăng cường giám sát nội bộ.

Không ngừng hoàn thiện công tác tổ chức nhân sự, đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ và người lao động, bổ sung nhân sự có năng lực quản lý điều hành; triển



khai chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động có trình độ chuyên môn cao nhằm thu hút nhân sự phục vụ kế hoạch phát triển của Công ty.

2. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	358,32	540,00	
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	16,60	16,40	
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	12,90	8,93	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	14,50	14,98	
5	Tỷ suất lợi nhuận	%/vốn	7,60	7,75	
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%/vốn	6,23	6,43	
II	TIỀN LƯƠNG				
1	Định mức lao động	Người	326	340	
2	Lao động bình quân	Người	323	338	
3	Năng suất lao động BQ theo tổng DT trừ chi phí chưa lương	Trđ/ng/th	11,660	11,352	
4	Mức tiền lương bình quân	Trđ/th	6,759	6,601	
5	Quỹ lương tiền lương NLD	Tỷ đồng	26,20	26,77	

3. Nhiệm vụ chủ yếu:

Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị do Điều lệ Công ty quy định, trên cơ sở những định hướng phát triển; trong năm 2021, HĐQT xác định sẽ tập trung một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

3.1- Triển khai xây dựng dự thảo sửa đổi Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của pháp luật trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trước tháng 6/2021.

3.2- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy định quản lý nội bộ đảm bảo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty sau sửa đổi và phù hợp với điều kiện thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.3- Tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện cơ cấu Công ty trong năm 2021 và định hướng đến năm 2026; trong đó, kiện toàn cơ cấu tổ chức và công tác cán bộ chủ chốt.

3.4- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát Ban điều hành, các phòng và tương đương của Công ty trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.5- Triển khai và chỉ đạo Ban điều hành phát hiện, tận dụng các cơ hội để thực

hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và chỉ đạo định hướng của cấp có thẩm quyền.

3.6- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý với Ban điều hành đối với một số vấn đề trọng yếu phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

3.7- Phối hợp với Chi ủy chỉ đạo các đoàn thể trong Công ty phát động người lao động tích cực thi đua lao động góp phần hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2021.

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2016-2020 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2021 -2025 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ (2016-2020)

I. Đánh giá các nhiệm vụ trọng tâm nhiệm kỳ 2016-2020

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã phê duyệt phương án tái cơ cấu Công ty; trong đó về hoạt động sản xuất kinh doanh trọng tâm là:

- *Dịch vụ hậu cần: Dịch vụ quản lý nhà, dịch vụ lưu trú, các dịch vụ hậu cần khác phục vụ cho Nhà máy lọc dầu và các đơn vị trong và ngoài ngành Dầu khí trên địa bàn Quảng Ngãi;*

- *Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì;*

- *Thương mại: kinh doanh hạt nhựa PP và các loại hạt nhựa khác, cung cấp nguyên liệu sản lát cho BSR-BF, cung cấp vật tư cho BSR và BSR-BF, tiêu thụ các sản phẩm khác của BSR và BSR-BF.*

Trên cơ sở đó và các phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông hàng năm, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo và giám sát Ban điều hành triển khai thực hiện và đã được kết quả tích cực:

Kết quả đạt được của một số chỉ tiêu chủ yếu trong 5 năm 2016-2020

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ hoàn thành
1	Tổng doanh thu, thu nhập	3.066,6	2.495,5	81%
2	Lợi nhuận sau thuế	69,0	72,4	105%
3	Nộp ngân sách nhà nước	67,2	46,9	70%

(Có Phụ lục kèm theo)

Nhận xét đánh giá từng lĩnh vực:

Dịch vụ hậu cần:

- Các dịch vụ quản lý nhà, kinh doanh lưu trú, xe đưa đón từng bước hoàn thiện và chuyên nghiệp hơn đáp ứng được yêu cầu của khách hàng.



- Các dịch vụ hậu cần khác được nâng cao về chất lượng và khả năng phục vụ.

Sản xuất và kinh doanh bao bì:

- Dòng bao PE 3 lớp là sản phẩm trọng tâm đã cung cấp kịp thời phục vụ sản xuất của BSR với chất lượng ngày càng nâng cao.

- Dòng bao nông sản (bao PP lồng PE) là sản phẩm có tính chất mùa vụ, công suất hoạt động trung bình trong giai đoạn 2016-2020 đạt 64% công suất thiết kế. Sản lượng sản xuất bao nông sản chỉ đạt 79% kế hoạch do chịu áp lực cạnh tranh lớn từ các đối thủ cùng ngành.

Kinh doanh thương mại:

- Hoạt động kinh doanh hạt nhựa PP và các loại nhựa khác: Trong giai đoạn 2016-2020, PV Building kinh doanh chủ yếu là hạt nhựa PP của Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Tiêu thụ sản phẩm của PV Building đảm bảo an toàn và chưa có sự cố nào xảy ra, kết quả thực hiện đạt 79% kế hoạch (do yếu tố khách quan, từ Quý IV năm 2018 sản lượng tiêu thụ được giao còn 300 tấn/tháng). Tuy nhiên, do thị trường nhiều biến động nên PV Building vẫn chưa mở rộng kinh doanh các dòng sản phẩm hạt nhựa mới ngoài nhựa PP của BSR.

- Ngoài ra, trong giai đoạn 2016-2020, PV Building đã xúc tiến, mở rộng thêm các hoạt động như cung cấp Pallet gỗ, bao Jumbo chứa xúc tác... cho BSR và Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn. Các hoạt động này đã góp phần tạo thương hiệu, uy tín và lợi nhuận tốt cho Công ty.

Công tác tái cơ cấu doanh nghiệp:

Ngày 12/7/2016, gần 8 triệu cổ phần tương ứng 45,53% vốn điều lệ PV Building do BSR đang nắm giữ được đưa ra đấu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; phiên đấu giá bán thành công 2,325 triệu cổ phần; qua đó, tỷ lệ nắm giữ cổ phần của các cổ đông tại PV Building được thay đổi: BSR 83,26% Vốn điều lệ, Khách sạn Cẩm Thành chiếm 3,14% Vốn điều lệ và nhóm cổ đông cá nhân chiếm 13,6% Vốn điều lệ.

Ngày 27/3/2017, PV Building đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là Công ty đại chúng theo Công văn số 1575/UBCK-GSĐC.

Ngày 28/12/2018, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) ban hành Quyết định số 835/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký cổ phiếu của PV Building (Mã PBT) tại HNX; Ngày 18/01/2019, cổ phiếu PBT đã được giao dịch ngày đầu tiên trên thị trường giao dịch UPCoM với giá tham chiếu là 13.100 đồng/cổ phiếu.

Theo kế hoạch, Cổ phiếu của PV Building được đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; tuy nhiên, đến thời hạn phải đăng ký niêm yết theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhưng PV Building chưa đủ điều kiện niêm yết (cổ đông lớn hiện vẫn nắm giữ trên 85% vốn điều lệ).

Bên cạnh những việc đã thực hiện nêu trên, HĐQT tự nhận thấy còn một số tồn tại nhất định như:

2949
: TY
TẬP
Z
C/M
2019

- Sản phẩm bao bì của Công ty thiếu tính cạnh tranh do thiết bị không đồng bộ, dây chuyền công nghệ lạc hậu thiếu sự đổi mới thay thế kịp thời.

- Chưa khai thác hết tiềm năng, lợi thế trong dịch vụ hậu cần, nhất là quỹ nhà đang sở hữu và quản lý.

- Việc kinh doanh thương mại cũng chịu sự cạnh tranh khốc liệt qua sự lớn mạnh của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

II. Kết quả hoạt động của HĐQT

Về cơ cấu và số lượng nhân sự:

Ngày 28/4/2016, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã bầu gồm 03 thành viên; trong đó: Công ty TNHH MTV Lọc – Hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn) cử 02 đại diện, Nhà khách Cẩm Thành (nay là Khách sạn Cẩm Thành) thuộc Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi cử 01 đại diện; đồng thời, cùng ngày phiên họp thứ nhất của Hội đồng quản trị đã tiến hành bầu Chủ tịch và chấp thuận bổ nhiệm Giám đốc, cụ thể:

1. Ông Trần Đức Hợp người đại diện 60% phần vốn góp của BSR tại PV Building và được bầu làm Chủ tịch HĐQT Công ty.

2. Ông Trần Đoàn Thịnh người đại diện 40% phần vốn góp của BSR tại PV Building và được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty.

3. Bà Lê Thị Xí người đại diện phần vốn của Khách sạn Cẩm Thành thuộc Tỉnh ủy Quảng Ngãi tại PV Building.

Trong nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị có sự thay đổi như sau:

Ngày 23/4/2018, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua việc cho Bà Lê Thị Xí thôi làm thành viên Hội đồng quản trị, đồng thời chấp thuận Bà Hà Thị Hoa là người đại diện ủy quyền của nhóm cổ đông cá nhân tại PV Building làm thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách.

Tháng 8/2019 do yêu cầu công tác cán bộ của Cổ đông BSR, Ông Trần Đoàn Thịnh được điều động và bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc BSR; do đó, Hội đồng quản trị đã miễn nhiệm chức danh Giám đốc của Ông Trần Đoàn Thịnh, tiếp tục là thành viên HĐQT kiêm nhiệm.

Từ đó đến nay, Hội đồng quản trị giữ nguyên cơ cấu thành phần và số lượng nhân sự như trên.

Về thực hiện các nội dung theo thẩm quyền và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền:

Hội đồng quản trị duy trì sinh hoạt định kỳ mỗi quý một lần đảm bảo thời gian và thủ tục theo quy định; ngoài ra, để giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị đã có các cuộc họp đột xuất hoặc xin ý kiến bằng văn bản. Các thành viên đều tham gia hoặc ủy quyền tham gia

đầy đủ đúng quy định, nghiên cứu tài liệu, có ý kiến đóng góp tích cực với tinh thần trách nhiệm cao.

Trong 05 năm qua, HĐQT đã quản lý và chỉ đạo hoạt động của Công ty thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông với những nội dung chính sau:

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, HĐQT đã ban hành 33 Nghị quyết và 53 Quyết định để đưa các hoạt động của Công ty đi vào nề nếp dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, phù hợp điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty và đúng quy định của pháp luật (có danh mục đính kèm);

- Trình ĐHĐCĐ thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty cho phù hợp với tình hình hoạt động thực tiễn của Công ty và quy định của pháp luật;

- Thực hiện chế độ chi tiêu minh bạch phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty;

- Tổ chức các ĐHĐCĐ thường niên theo đúng qui định. Thực hiện tốt các nghị quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua.

Công tác giám sát hoạt động đối với Ban điều hành:

- Hội đồng quản trị đã thường xuyên thực hiện công tác giám sát, chỉ đạo Ban điều hành; hỗ trợ, tạo điều kiện tối đa để Ban điều hành chủ động và đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Nhìn chung, Ban điều hành đã luôn bám sát phương hướng, nhiệm vụ đề ra hàng năm, vận dụng linh hoạt điều kiện thực tế trong việc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định quản lý nội bộ. Công tác phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát đã thực hiện tốt theo quy chế đề ra.

Trong nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ chiến lược đã được đề ra. Những thành tích ghi nhận là: Ổn định bộ máy tổ chức và các hoạt động SXKD của Công ty; hoạt động SXKD có lãi, đảm bảo cổ tức cho cổ đông theo kế hoạch; Công ty được chấp thuận là công ty đại chúng, giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom; đảm bảo đời sống cho cán bộ nhân viên Công ty yên tâm công tác.

Tuy trong nhiệm kỳ qua, Hội đồng quản trị đã có nhiều cố gắng trong công tác quản lý giám sát song vẫn còn một số hạn chế khuyết điểm:

- Chưa triển khai công tác quy hoạch cán bộ dài hạn; mới chỉ đề xuất, bổ nhiệm công tác cán bộ theo giai đoạn phát sinh cụ thể.

- Chưa kiện toàn một cách triệt để cơ cấu tổ chức nhằm đáp ứng sát đúng với yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Chưa thực hiện được việc niêm yết cổ phiếu của Công ty lên sàn giao dịch.

Tại Đại hội này, Hội đồng quản trị xin trân trọng tuyên bố hết nhiệm kỳ 2016 - 2021; Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét bầu Hội đồng quản trị mới, nhiệm kỳ 2021-2025.

III. Về hợp đồng và giao dịch giữa Công ty và người có liên quan

Trong 5 năm 2016-2020, các hợp đồng/giao dịch giữa Công ty với người có liên quan được thực hiện đúng quy định.

(có Bảng tổng hợp kèm theo)

B. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021 -2025

Giai đoạn 2021- 2025, ảnh hưởng chung của đại dịch Covid, những khó khăn thách thức từ các đối tác và khách hàng truyền thống sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động SXKD của Công ty. Đây cũng là giai đoạn then chốt của quá trình tái cấu trúc Công ty, đưa Công ty phát triển lên một tầm cao mới với các định hướng cơ bản sau:

- Xây dựng chiến lược phát triển Công ty đến năm 2030 và tầm nhìn 2045;
- Kiện toàn mô hình tổ chức, công tác cán bộ của Công ty phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty;
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp;
- Kiện toàn hệ thống quản trị nội bộ về nhân sự và quy chế, quy định.

I. Mục tiêu nhiệm vụ giai đoạn 2021 -2025:

Trên cơ sở nhận định và định hướng đã nêu, để vượt qua khó khăn tiếp tục phát triển Công ty, bảo toàn vốn, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông.

Trong nhiệm kỳ, phấn đấu mức tăng trưởng các chỉ tiêu: Lợi nhuận, tiền lương của người lao động mỗi năm tăng trưởng 5-10%.

HĐQT xác định các mục tiêu nhiệm vụ và giải pháp như sau:

1. Dịch vụ hậu cần:

Trở thành nhà cung cấp dịch vụ hậu cần số một, với chất lượng dịch vụ tốt nhất; mở rộng sang các đơn vị trong và ngoài ngành tại Quảng Ngãi và các địa phương khác.

- **Dịch vụ quản lý nhà và lưu trú:** Luôn đổi mới và nâng cao chất lượng dịch vụ quản lý nhà đối với Khu nhà ở Vạn Tường; tiếp tục hoàn thiện các cơ sở pháp lý của dịch vụ lưu trú tạo uy tín với các đối tác của BSR khi đến làm việc tại NMLD và các khách hàng trong, ngoài nước đến làm việc, đầu tư tại Quảng Ngãi.

- **Dịch vụ vận tải hành khách và cung ứng thiết bị thi công:** Nâng cấp dịch vụ xe đưa đón cán bộ và NLĐ cho BSR và các đối tác của BSR và các khách hàng khác trên địa bàn trong và ngoài tỉnh Quảng Ngãi; chuyên nghiệp hóa lĩnh vực cung ứng các thiết bị thi công công trình cho các nhà thầu trong và ngoài nước.



- *Các dịch vụ hậu cần khác:* Chuyên nghiệp hóa dịch vụ tổ chức sự kiện, cung ứng nhân lực, các dịch vụ liên quan đến đời sống của người lao động BSR, các đơn vị trong và ngoài ngành Dầu khí trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và các địa phương khác như: Chăm sóc cây xanh, giặt ủi, vệ sinh công nghiệp...

2. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì:

Trong 5 năm đến tập trung nghiên cứu đổi mới công nghệ, chuyên môn hóa nguồn nhân lực, đa dạng hóa sản phẩm với mục tiêu:

- Nâng cao chất lượng sản phẩm bao bì, kiểm soát chặt chẽ các khâu sản xuất, hạn chế phế phẩm ở mức tối đa. Đưa PV Building trở thành đơn vị cung cấp bao bì uy tín trên thị trường cả nước.

- Sản xuất đi đôi với việc đảm bảo an toàn, ổn định, làm chủ công nghệ, phấn đấu vận hành tối ưu năng lực hiện có và mang lại hiệu quả bền vững cho Công ty.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình vận hành, sản xuất, bảo dưỡng luôn đặt vấn đề an toàn lên hàng đầu. Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện các quy trình sản xuất, tìm kiếm nhiều sáng kiến trong công tác sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm cải thiện tính cạnh tranh.

- Luôn đảm bảo Nhà máy trong tình trạng hoạt động an toàn và hiệu quả.

3. Thương mại:

- *Kinh doanh hạt nhựa PP và các loại hạt nhựa khác:* Trở thành một trong những nhà phân phối hạt nhựa PP và các loại hạt nhựa khác lớn trên cả nước, bao gồm cả việc mở rộng nguồn hàng đầu vào là hàng nhập khẩu từ nước ngoài về.

- *Cung cấp vật tư cho BSR:* phấn đấu trở thành một trong những nhà cung cấp vật tư uy tín cho BSR; mở rộng thị trường tiêu thụ, ngoài lượng khách hàng tiềm năng sẵn có, luôn khai thác, nắm bắt tình hình và chuẩn bị tốt các nguồn lực cần thiết để kịp thời triển khai các gói thầu cung cấp vật tư cho BSR và các đơn vị tiềm năng khác.

- Tiếp cận và dần tham gia vào thị trường phân phối các sản phẩm của BSR: LPG, xăng, dầu khí CO₂ hóa lỏng... tại khu vực miền Trung.

Hoàn thiện chính sách bán hàng, quy chế, quy trình theo hướng linh hoạt, cạnh tranh nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường theo hướng linh hoạt, nhạy bén hơn nữa.

- Xây dựng hệ thống quản lý khách hàng nhằm phục vụ cho công tác marketing, theo dõi, quản lý khách hàng, luôn xem khách hàng là trọng tâm. Luôn chú trọng phân tích, đánh giá dự báo thị trường để có đề xuất xử lý kịp thời.

Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu trong 5 năm 2021-2025

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021-2025
I	Các chỉ tiêu tài chính		
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Tỷ đồng	2.729,47

421
V.G.
PHÍ
HÀ
JONH
JKT
T.M.

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021-2025
I	Các chỉ tiêu tài chính		
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	90,64
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	82,75
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	49,30
II	Chỉ tiêu sản lượng sản xuất và tiêu thụ		
1	Bao nông sản	Triệu bao	21,60
2	Mành PP tráng màng	Triệu mét	55,26
3	Mành PP bao xi măng	Triệu bao	18,00
4	Bao PE 3 lớp	Triệu bao	31,90
5	Hạt nhựa PP	Tấn	63.800
6	Pallet gỗ	Cái	580.000
III	Chỉ tiêu về đầu tư XD CB và mua sắm thiết bị		
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	118,5
-	Đầu tư XD CB	Tỷ đồng	85,0
-	Mua sắm trang thiết bị/TSCĐ	Tỷ đồng	33,5
2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	118,5
-	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	44,0
-	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	74,5

(có phụ lục kèm theo)

II. Các giải pháp cơ bản:

- Tiếp tục kiện toàn sắp xếp lại tổ chức sản xuất từng lĩnh vực nhằm tăng cường hiệu quả SXKD. Chỉ đạo tổ chức thực hiện hoàn thiện cơ cấu nhân sự, bộ máy tổ chức toàn Công ty; có kế hoạch quy hoạch cán bộ dài hạn và tập trung đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực trẻ đảm bảo sự kế thừa.

Chú trọng phát triển lực lượng sản xuất, đảm bảo có đội ngũ người lao động lành nghề, chuyên nghiệp theo từng lĩnh vực kinh doanh. Thường xuyên đào tạo bồi dưỡng và nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ và người lao động.

- Tiếp tục rà soát sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý nội bộ trong từng giai đoạn cụ thể để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và sự thay đổi của pháp luật.

- Thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015.

- Chỉ đạo thực hiện việc tiếp tục củng cố hệ thống tài chính kế toán theo chuẩn mực chung. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn Công ty trên mọi lĩnh vực.

- Quan tâm đến đời sống của người lao động về thu nhập, chế độ chăm sóc sức khỏe, các hoạt động về tinh thần...

- Thực hiện tốt quyền lợi của cổ đông như: Trả cổ tức, tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông tiếp cận thông tin và tiếp nhận, xử lý các ý kiến đóng góp xây dựng Công ty của cổ đông.

- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động của Công ty theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Chỉ đạo Ban điều hành đưa ra các giải pháp cụ thể theo từng giai đoạn phù hợp để thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch tổng thể 05 năm và hàng năm.

Phần thứ ba KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Nhằm đảm bảo tốt các điều kiện triển khai thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ đặt ra trong năm 2021 và những năm tiếp theo; Hội đồng quản trị kính đề nghị các cổ đông tiếp tục hỗ trợ Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh với việc ưu tiên sử dụng các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của Công ty tạo điều kiện để Công ty tham gia cung cấp các dịch vụ theo nguyên tắc chất lượng, công khai, minh bạch và cạnh tranh.

Hiện tại, Công ty đã là công ty đại chúng quy mô lớn có cổ phiếu giao dịch trên sàn Upcom; trong năm 2021 tiếp tục thực hiện lộ trình thoái vốn của BSR tại PV Building để công tác quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thuận lợi, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông một số nội dung sau:

- Chấp thuận việc ký kết hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo đề nghị tại Tờ trình số 01/TTr-HĐQT ngày 24/3/2021 của Hội đồng quản trị (đính kèm); đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị có ý kiến chấp thuận đối với các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông phát sinh sau kỳ Đại hội này đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

- Tiến hành bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025 (có Tờ trình kèm theo) theo quy định;

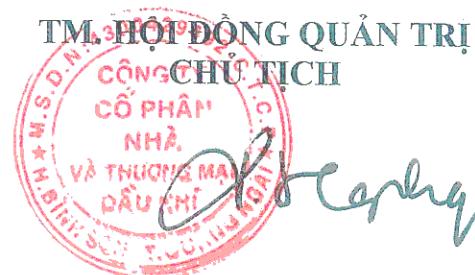
- Giao Hội đồng quản trị chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông trước 30/6/2021.

Hội đồng quản trị kính trình và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu VT, Thư ký.

Vân *Liên*



Trần Đức Hợp

Phụ lục: KẾT QUẢ MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU TRONG 5 NĂM 2016-2020

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng doanh thu:	Tỷ đồng	633,7	607,1	558,3	338,1	358,3
Tổng lợi nhuận trước thuế:	Tỷ đồng	14,9	14,8	15,4	17,2	16,6
Tổng nộp ngân sách:	Tỷ đồng	9,7	10,2	5,3	8,8	12,9
Tổng lợi nhuận sau thuế:	Tỷ đồng	12,6	13,6	16,7	15,0	14,5
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VĐL	%	8,5%	8,5%	8,8%	9,8%	9,5%
Tỷ lệ chia cổ tức	%	6,0%	6,6%	7,7%	6,5%	6,23%
Lạc động bình quân (không tính cán bộ quản lý):	Người	328	335	381	365	323
Năng suất lao động bình quân	Trđ/ người/ tháng	9,93	9,53	9,18	10,66	11,66
Thu nhập bình quân (không tính cán bộ quản lý):	Trđ/ tháng	5,69	5,39	5,34	6,16	6,76

Phụ lục: KẾ HOẠCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU 5 NĂM 2021-2025

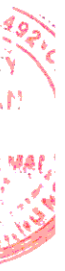
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng doanh thu:	Tỷ đồng	540,00	562,36	490,05	567,23	569,84
Tổng lợi nhuận trước thuế:	Tỷ đồng	16,40	17,22	18,08	18,99	19,94
Tổng nộp ngân sách:	Tỷ đồng	8,93	9,37	9,84	10,33	10,83
Tổng lợi nhuận sau thuế:	Tỷ đồng	14,98	15,72	16,51	17,34	18,20
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VĐL	%	9,36	9,83	10,32	10,84	11,38
Tỷ lệ chia cổ tức	%	6,43	6,75	7,09	7,45	7,82
Lao động bình quân (không tính các bộ quản lý):	Người	338	341	344	347	350
Năng suất lao động bình quân	Trđ/ người/ tháng	11,35	11,81	12,30	12,80	13,33
Thu nhập bình quân (không tính các bộ quản lý):	Trđ/ tháng	6,60	6,87	7,15	7,44	7,75

DANH MỤC HỢP ĐỒNG

STT	Hợp đồng	Số Hợp đồng	Ghi chú
Năm 2019 - 2020			
I	Kinh doanh bao bì		
1	Hợp đồng về việc cung cấp bao đóng gói hạt nhựa Polypropylen theo Đơn hàng và Dự toán số 214/ĐH-ĐĐSX.	số 867 ngày 20/12/2019	Phụ lục số 01 ngày 24/01/2021
II	Kinh doanh thương mại		
2	Hợp đồng về việc cung cấp Pallet cho Phân xưởng Polypropylen theo Đơn hàng và Dự toán số 215/ĐH-ĐĐSX	số 10 ngày 4/1/2020	Phụ lục số 01 ngày 24/01/2021
3	Đơn đặt hàng Bao Jumbo theo Hợp đồng số 929-2017/BSR-07-PVBLD ngày 31/10/2017	số 929 ngày 31/10/2017	
4	Mua bán sản phẩm Polypropylene	số 112/BSR- PVBLD ngày 21/12/2017	
III	Kinh doanh dịch vụ		
5	Hợp đồng về việc Thuê dịch vụ bên ngoài thực hiện công việc lái xe và vận hành các xe chữa cháy, xe môi trường, xe cứu thương phục vụ công tác ứng phó sự cố tại Nhà máy Lọc dầu Dung Quất theo Đơn hàng số 446/ĐH-ATMT	số 165 ngày 16/03/2020	
6	Hợp đồng về việc Thuê bổ sung xe 07 chỗ và Lái xe phục vụ công tác đối ngoại kinh doanh của Lãnh đạo Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam từ ngày 15 tháng 8 đến 31 tháng 12 năm 2019 theo Đơn hàng số 363/ĐH-VP/19-3485/ĐH-VP-A	số 697 ngày 8/11/2019	

14
V
P
H
C
T

STT	Hợp đồng	Số Hợp đồng	Ghi chú
7	Hợp đồng về việc Thuê xe và lái xe phục vụ QLĐH từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến 31 tháng 12 năm 2020 theo Đơn hàng số 365/19-3494/ĐH-VP-A	số 852 ngày 19/12/2019	
8	Hợp đồng về việc Thuê xe và lái xe phục vụ sản xuất kinh doanh từ 01 tháng 01 năm 2020 đến 31 tháng 12 năm 2020 theo Đơn hàng số 368/19-3499/ĐH-VP-A.	số 854 ngày 19/12/2019	
9	Hợp đồng về việc Thuê dịch vụ giữ xe máy tại Đê bao Sông Trà từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 theo Đơn hàng số 402/ĐH-VP/19-3652/ĐH-VP-A	số 735 ngày 20/11/2019	
10	Hợp đồng về việc Thuê dịch vụ quản lý Khu tập thể Vạn Tường năm 2020 theo Đơn hàng số 356/ĐH-VP	số 846 ngày 18/12/2019	
11	Hợp đồng về việc Thuê dịch vụ đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho nhân sự trực dự phòng nóng năm 2020 tại khu tập thể Vạn Tường và Trạm Y tế theo Đơn hàng số 498/ĐH-VP	số 733 ngày 20/11/2019	
12	Hợp đồng về việc Thuê dịch vụ giặt là, may vá BHLĐ của CBCNV BSR năm 2020 theo Đơn hàng số 502/19-4124/ĐH-ATMT-F.	số 966 ngày 31/12/2019	
13	Hợp đồng về việc Thuê dịch vụ hỗ trợ công tác lễ tân tại Công ty cổ phần Lọc Hoá dầu Bình Sơn năm 2020 theo Đơn hàng 621/ĐH-VP.	số 124 ngày 03/3/2020	
14	Hợp đồng về việc Thuê dịch vụ bên ngoài thực hiện công việc rửa chai, vệ sinh dụng cụ phân tích tại phòng thí nghiệm và thu gom mẫu thử từ các phân xưởng về phòng thí nghiệm của Ban Quản lý Chất lượng theo Đơn hàng số 14/ĐH-QLCL.	số 348 ngày 30/7/2019	
15	Hợp đồng về việc mua sắm đồ dùng hậu cần phục vụ công việc cho Ban Lãnh đạo và	số 952 ngày 31/12/2019	



STT	Hợp đồng	Số Hợp đồng	Ghi chú
	CBCNV BSR năm 2020 theo Đơn hàng và Dự toán số 440/ĐH-VP/19-3928/ĐH-VP-A.		
16	Hợp đồng Thuê dịch vụ xử lý côn trùng và động vật gây hại tại các hạng mục công trình thuộc quản lý BSR năm 2020 theo Đơn hàng số 586/19-4187/ĐH-ATMT-E.	số 900 ngày 27/12/2019	
17	Hợp đồng về việc Thuê dịch vụ xử lý côn trùng gây hại khu tập thể Vạn Tường, khu hành chính Building A, A1, Cảng tin, Nhà thay BHLĐ, Chốt bảo vệ cổng A1, A2, Trụ sở 208 Hùng Vương và dịch vụ cung cấp xe đạp phục vụ CBCNV đi lại trong Nhà máy năm 2020 theo Đơn hàng số 468/ĐH-VP.	số 946 ngày 31/12/2019	
18	Hợp đồng về việc thuê nhà ở, nhà ăn tập thể và dịch vụ phục vụ cho cán bộ lãnh đạo quản lý của Công ty Cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn theo Đơn hàng số 234/ĐH-VP	số 479 ngày 6/9/2019	
19	Hợp đồng về việc Thuê đơn vị thực hiện sát trùng, khử khuẩn các xe ô tô đưa đón CBCNV theo Đơn hàng số 073/ĐH-VP	số 97 ngày 6/2/2020	
20	Hợp đồng về việc thuê xe ô tô phục vụ TA4 theo Đơn hàng số 65/20-1307/ĐH-VP-A	số 439 ngày 24/6/2020	
21	Hợp đồng về việc Thuê bãi giữ xe máy tại Khu tập thể Đê bao từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021 theo Đơn hàng số 1421/20-2150/ĐH-VP-A	số 685 ngày 28/09/2020	
22	Thuê xe và lái xe phục vụ QLĐH	số 808- 2020/HĐ/BSR- PVBLD ngày 7/12/2020	
23	Thuê xe và lái xe phục vụ phục vụ sản xuất kinh doanh	số 835- 2020/HĐ/BSR- PVBLD ngày 16/12/2020	

STT	Hợp đồng	Số Hợp đồng	Ghi chú
24	Thuê dịch vụ xử lý côn trùng và cung cấp xe đạp phục vụ CBCNV đi lại trong nhà máy	số 798/HĐ/BSR-PVBLD ngày 25/11/2020	
25	Thuê dịch vụ xử lý côn trùng và động vật gây hại tại các hạng mục công trình thuộc quản lý của BSR năm 2021	số 922-2020/HĐ-PVBLD ngày 31/12/2020	
26	Cung cấp dịch vụ giặt là quần áo BHLLĐ	số 927-2020/HĐ/BSR/PV BUILDING ngày 31/12/2020	
27	Quản lý Khu nhà ở Vạn Tường	Số 924-2020/HĐ/BSR-PV BUILDING ngày 31/12/2020	
28	Trực dự phòng nóng tại Vạn Tường và Trạm y tế	Số 915-2020/HĐ/BSR-PV BUILDING ngày 31/12/2020	
Năm 2018			
1	Thuê xe và lái xe đưa đón Lãnh đạo và CBCNV năm 2017 theo Đơn hàng 510/ĐH-VP	Số 54/2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 18/01/2017	Phụ lục bổ sung số 02 ngày 25/06/2018
2	Thuê dịch vụ bên ngoài thực hiện công việc rửa chai, vệ sinh dụng cụ phân tích và thu gom mẫu theo SR 18-1267 theo Đơn hàng số 07/ĐH-QLCL	Số 401-2018/HĐ/BSR-PVBLD ngày 07/06/2018	
3	Thuê dịch vụ dọn dẹp vệ sinh nhà kho, nhà xưởng của Công ty năm 2018 theo Đơn hàng số 238/ĐH/ATMT	Số 154-2018/HĐ/BSR-PVBLD ngày 10/09/2018	
4	Thuê xe đưa đón CBCNV Công ty năm 2018 theo Đơn hàng số 454/ĐH-VP	Số 1131-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 25/12/2017	

STT	Hợp đồng	Số Hợp đồng	Ghi chú
5	Thuê xe và lái xe phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018 theo Đơn hàng số 453/ĐH-VP	Số 1142-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 27/12/2017	Phụ lục bổ sung số 02 ngày 31/12/2018 Phụ lục bổ sung số 01 ngày 11/09/2018
6	Mua sắm quà tết, bánh kẹo phục vụ công tác đối ngoại của BSR theo Đơn hàng số 94/ĐH-VP	Số 104a-2018/HĐ/BSR-PVBLD ngày 08/02/2018	
7	Thuê dịch vụ hỗ trợ công tác lễ tân tại Công ty Lọc - Hóa dầu Bình Sơn năm 2018 theo Đơn hàng 671/ĐH-VP	1189a-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 31/12/2017	
8	Thuê dịch vụ quản lý Khu tập thể Vạn Tường và đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho nhân sự trực dự phòng năm 2018 theo Đơn hàng số 442/ĐH-VP	Số 1165-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 29/12/2017	
9	Thuê dịch vụ xử lý côn trùng gây hại tại khu tập thể Vạn Tường, khu hành chính Building A, A1, Căng tin, Nhà thay BHLĐ, Chốt bảo vệ cổng A1, A2, Trụ sở 208 Hùng Vương và dịch vụ cung cấp xe đạp phục vụ CBCNV đi lại trong Nhà máy năm 2018 theo Đơn hàng số 443/ĐH-VP - Phần xử lý côn trùng	Số 1135-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 26/12/2017	
10	Cung cấp dịch vụ xử lý côn trùng và động vật gây hại tại các hạng mục công trình NMLD Dung Quất và các công trình thuộc quản lý của BSR năm 2018 theo Đơn hàng số 548/ĐH-ATMT	1179-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 30/12/2017	
11	Cung cấp dịch vụ giữ xe máy và ô tô tại Khu tập thể đê bao sông Trà cho CBCNV BSR theo Đơn hàng số 453/ĐH-VP	Số 980-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 20/11/2017	

430
CC
CC
VÀ T
P

STT	Hợp đồng	Số Hợp đồng	Ghi chú
12	Thuê dịch vụ xử lý côn trùng gây hại tại khu tập thể Vạn Tường, khu hành chính Building A, A1, Cổng tin, Nhà thay BHI.Đ, Chốt bảo vệ cổng A1, A2, Trụ sở 208 Hùng Vương và dịch vụ cung cấp xe đạp phục vụ CBCNV đi lại trong Nhà máy năm 2018 theo Đơn hàng số 443/ĐH-VP - Phần thuê xe đạp	Số 973a-2017/HĐ/BSR-PVBLĐ ngày 15/11/2017	
13	Về việc Thuê dịch vụ chăm sóc cây xanh tại khu vực Building A, A1, Khu vực Đồi Cây Sấu, Khu vực Workshop, 02 tuyến đường 1km vào NMLD Dung Quất, làm vệ sinh chăm sóc cây xanh khuôn viên Trụ sở 208 Hùng Vương, cung cấp cây cảnh và hoa ngăn ngày tạo cảnh quan bên trong khu văn phòng làm việc tại Building A1, Trụ sở 208 Hùng Vương và vệ sinh 02 tuyến đường 1km vào Nhà máy, tuyến đường lên khu giới thiệu toàn cảnh Đồi Cây Sấu, hệ thống mái che mưa nắng từ Building A, A1 đến cổng tin NM năm 2018 theo Đơn hàng số 488/ĐH-VP	Số 1164-2017/HĐ/BSR-PVBLĐ ngày 29/12/2017	
14	Thuê văn phòng làm việc phục vụ giao dịch của BSR tại Hà Nội theo Đơn hàng số 464/ĐH-VP	Số 1026-2017/HĐ/BSR-PVBLĐ ngày 01/12/2017	
15	Thuê dịch vụ giặt là quần áo BHLĐ cho CBCNV làm việc tại Nhà máy Lọc dầu Dung Quất năm 2018 theo Đơn hàng số 544/ĐH-ATMT	Số 1157-2017/HĐ/BSR-PVBLĐ ngày 28/12/2017	
Năm 2017			
1	Thuê xe ô tô phục vụ hoạt động của Ban QLDA NCMR NMLD Dung Quất	Số 07-2015/HĐ/DQRE-PVBLĐ ngày 28/8/2015	Phụ lục số 05 ngày 01/04/2017
2	Thuê dịch vụ thiết kế và lắp đặt lán trại tạm tập trung phục vụ nghỉ ngơi giờ trưa trong quá trình thực hiện TA3 theo Đơn hàng 65/ĐH-ATMT	Số 443-2017/HĐ/BSR-PVBLĐ ngày 11/05/2017	Phụ lục bổ sung số 01 ngày 22/06/2017

429
VĂN PHÒNG
PHỤ TRƯỞNG
QUẢN LÝ

STT	Hợp đồng	Số Hợp đồng	Ghi chú
3	Thuê xe đưa đón CBVNV Công ty năm 2017 theo Đơn hàng số 552/ĐH-VP	Số 47-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 17/01/2017	Phụ lục bổ sung số 01 ngày 18/12/2017
4	Thuê dịch vụ sửa chữa hàng rào hai bên tuyến đường 1km vào Khu hành chính của Nhà máy Lọc dầu theo Đơn hàng số 080/ĐH-BDSC-C	Số 408-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 03/05/2017	
5	Thuê dịch vụ thực hiện sửa chữa chống dột mái che máy biến áp 12-TR-34-E11, máy phát điện A-4008; sửa chữa tường, nền nhà bị nứt của SS8C, D-1532, TK-1901, hồ sục gần phòng Lab, bê tông đường vào kho khí Lab PP, phòng ác quy nhà MRR1, PIB 1, PIB 4, PP, các hộp điện thoại, vòi cứu hỏa tại U52, đế bê tông P-973A/B, TK-3403, U15, sửa chữa bảo dưỡng hệ thống nước chữa cháy tại kho HPXT P1 theo Đơn hàng số 148/ĐH-BDSC-C	Số 515-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 31/5/2017	
6	Mua quà (bánh kẹo) phục vụ cho kỹ sư/công nhân ngoài công trường và phục vụ công tác đối ngoại nhân dịp Tết nguyên đán năm Đinh Dậu 2017 theo Đơn hàng 047/ĐH-VP	Số 468a-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 17/03/2017	
7	Tổ chức tọa đàm điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực xăng dầu của ngành Công Thương năm 2017 theo Đơn hàng số 280A/ĐH-VP	Số 584a-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 16/06/2017	
8	Thuê dịch vụ sửa chữa, cải tạo mái che các nhà cố định vận hành, A3, A2. 1A, offsite, mái che công A1, B2 và khu vệ sinh xưởng điện -TĐH theo Đơn hàng số 306/ĐH-ĐTXD	Số 135-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 23/02/2017	
9	Cung cấp vật tư thiết bị điện nước và cung cấp một số hạng mục của dịch vụ sửa chữa xây dựng nhỏ phục vụ công tác quản lý điều hành của các phòng chức năng BSR năm 2016 theo Đơn hàng số 524/ĐH-VP	Số 409-2016/HĐ/BSR-PVBLD ngày 06/06/2016	

STT	Hợp đồng	Số Hợp đồng	Ghi chú
10	Thiết lập công kiểm soát an ninh, chốt bảo vệ, phân luồng cho người đi bộ vào Nhà máy, bãi xe máy cho nhà thầu trong giai đoạn BDTT lần 3 theo Đơn hàng số 097/ĐH-ATMT	Số 438-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 09/05/2017	
11	Thuê xe bán tải (Pickup) để chuyên chở các nhân sự chủ chốt của ban BDSC phục vụ công việc BDTT lần 3 theo Đơn hàng số 215/ĐH-VP-BDSC-TA3	Số 570-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 13/06/2017	
12	Thuê xe để chở nhân sự Nhà thầu trong giai đoạn bảo dưỡng tổng thể lần thứ ba theo Đơn hàng số 045/ĐH-VP	Số 423-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 04/5/2017	
13	Thuê dịch vụ thực hiện cải tạo, sửa chữa sân vườn Trụ sở 208 Hùng Vương theo Đơn hàng số 137/ĐH-ĐTXD	Số 46-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 17/01/2017	
14	Thuê dịch vụ sửa chữa, bảo trì Khu nhà ở CBCVN tại Vạn Tường năm 2016 theo Đơn hàng số 285/ĐH-ĐTXD	Số 89-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 25/01/2017	
15	Thuê dịch vụ đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho nhân sự trực dự phòng nóng tại Trạm Y tế Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo Đơn hàng số 430A-ĐH-VP	Số 1211-2016/HĐ/BSR-PVBLD ngày 30/12/2016	
16	Thuê dịch vụ đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho nhân sự trực dự phòng nóng năm 2017 theo Đơn hàng số 535/ĐH-VP	Số 109-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 14/2/2017	
17	Tổ chức Tiệc liên hoan Tất niên 2016 của Công ty BSR theo Đơn hàng số 05A/ĐH-VP ngày 06/01/2017	Số 64a-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 23/01/2017	

STT	Hợp đồng	Số Hợp đồng	Ghi chú
18	Mua sắm dịch vụ hậu cần phục vụ Hội đồng thành viên, Ban TGD và Lãnh đạo các phòng chức năng Công ty BSR năm 2017 theo Đơn hàng 527/ĐH-VP	181-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 6/3/2017	
19	Thuê dịch vụ dọn dẹp vệ sinh 02 tuyến đường 1km vào Nhà máy lọc dầu Dung Quất và dọn dẹp vệ sinh tuyến đường lên Khu giới thiệu toàn cảnh Đồi cây sấu năm 2017 theo Đơn hàng số 537a/ĐH-VP	Số 116-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 14/02/2017	
20	Thuê dịch vụ giặt là quần áo BHLĐ cho CBCNV làm việc tại Nhà máy Lọc dầu Dung Quất năm 2017 theo Đơn hàng số 642/ĐH-ATMT	Số 94-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 07/02/2017	
21	Thuê dịch vụ nạo vét kênh thoát nước trong Nhà máy và phát quang, chặt cây đảm bảo công tác phòng chống lụt bão và phòng cháy theo Đơn hàng số 336/ĐH-ATMT	Số 801-2016/HĐ/BSR-PVBLD	
22	Thuê văn phòng làm việc phục vụ giao dịch của BSR tại Hà Nội theo Đơn hàng 560/ĐH-VP	Số 114-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 14/02/2017	
23	Thuê dịch vụ chăm sóc cây xanh tại khu vực Building A, A1, Khu vực Đồi Cây Sấu, Khu vực Workshop, 02 tuyến đường 1km vào NMLD Dung Quất và làm vệ sinh chăm sóc cây cảnh khuôn viên Trụ sở 208 Hùng Vương năm 2017 theo Đơn hàng số 537/ĐH-VP	Số 165-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 01/3/2017	
24	Thuê dịch vụ quản lý khu tập thể Vạn Tường năm 2017 theo Đơn hàng 534/ĐH-VP	Số 164-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 01/03/2017	
25	Thuê dịch vụ xử lý côn trùng gây hại khu tập thể Vạn Tường năm 2017 theo Đơn hàng số 536/ĐH-VP	Số 115-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 14/02/2017	
26	Tổ chức Hội nghị đại biểu Người lao động gắn với tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh	Số 1212-2016/HĐ/BSR-	



STT	Hợp đồng	Số Hợp đồng	Ghi chú
	năm 2016 và triển khai nhiệm vụ năm 2017 theo Đơn hàng 578/ĐH-VP- Hạng mục hậu cần	PVBLD ngày 30/12/2016	
27	Thuê xe ô tô phục vụ hoạt động của Ban QLDA NCMR NMLD Dung Quất	Số 07-2015/HĐ/DQRE-PVBLD ngày 28/8/2015	Phụ lục số 04 ngày 01/01/2017
28	Cung cấp dịch vụ giữ xe mát và ô tô tại Khu tập thể đê bao Sông Trà cho CBCNV BSR theo Đơn hàng số 551/ĐH-VP	Số 84-2017/HĐ/BSR-PVBLD ngày 25/01/2017	
Năm 2016			
1	Hợp đồng khung thuê các dịch vụ hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn	625a/BSR-PVB ngày 05/11/2016	
2	Trang bị công cụ, dụng cụ cho nhà công vụ B1-2 phục vụ CBCNV tại Khu tập thể Đê bao sông Trà theo Đơn hàng số 175/ĐH-VP ngày 12/5/2016	Số 681-2016/HĐ/BSR-PVB ngày 11/8/2016	
3	Thuê đơn vị cung cấp dịch vụ giữ xe máy và ô tô tại Khu tập thể Đê bao sông Trà cho CBCNV BSR theo Đơn hàng số 780/ĐH-ATMT	Số 84-2016/HĐ/BSR-PVBLD ngày 22/02/2016	
4	Tổ chức Hội thảo xét duyệt hồ sơ các công trình KHCN của Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn đã được Bộ Công Thương trình Chính phủ theo Đơn hàng số 242/ĐH-VP	Số 851a-2015/HĐ/BSR-PVBLD ngày 03/10/2016	
5	Thuê xe và lái xe đưa đón CBCNV Công ty Lọc - Hóa dầu Bình Sơn theo Đơn hàng 401/ĐH-VP ngày 13/10/2016	Số 1079-2016/HĐ/BSR-PVBLD ngày 05/12/2016	

15/11/2016

STT	Hợp đồng	Số Hợp đồng	Ghi chú
6	Thuê dịch vụ sửa chữa, bảo trì khu sinh hoạt chung, nhà nhìn toàn cảnh đồi cây sấu, khu vệ sinh Building A và các chốt bảo vệ, nhà quan sát Camera tại Nhà máy theo Đơn hàng số 124/ĐH-VP	Số 599-2016/HĐ/BSR-PVBLD ngày 25/7/2016	
7	Thuê dịch vụ cung cấp xe đạp phục vụ CBCNV đi lại trong Nhà máy Lọc dầu Dung Quất theo Đơn hàng số 360/ĐH-VP	Số 1004-2016/HĐ/BSR-PVBLD ngày 14/11/2016	
8	Tuyên truyền đảm bảo an ninh, an toàn NMLD Dung Quất cho nhân dân 04 xã Bình Trị, Bình Hải, Bình Thuận và Bình Đông, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi theo Đơn hàng số 219/ĐH-ATMT	Số 906-2016/HĐ/BSR-PVBLD ngày 21/10/2016	
9	Thuê dịch vụ xử lý côn trùng gây hại tại khu tập thể Vạn Tường năm 2016 theo Đơn hàng số 502/ĐH-VP	Số 89-2016/HĐ/BSR-PVBLD ngày 22/2/2016	Phụ lục bổ sung số 01 ngày 01/09/2016
10	Bổ sung dịch vụ thuê xe ô tô đưa đón CBCNV Công ty Lọc - Hóa dầu Bình Sơn theo Đơn hàng số 231-ĐH/VO	Số 838-2016/HĐ/BSR-PVBLD ngày 30/9/2016	
11	Thuê xe và lái xe đưa đón Lãnh đạo và CBCNV Công ty theo Đơn hàng số 738/ĐH-ATMT	Số 501-2016/HĐ/BSR-PVBLD ngày 29/06/2016	
12	Thuê dịch vụ chăm sóc cây xanh tại Khu vực Building A, A1, Khu vực Đồi Cây Sấu, Khu vực Workshop, 02 tuyến đường 1km vào NMLD Dung Quất và làm vệ sinh chăm sóc cây xanh khuôn viên Trụ sở 208 Hùng Vương năm 2016 theo Đơn hàng số 409/ĐH-VP	Số 486-2016/HĐ/BSR-PV BUILDING ngày 27/6/2016	
13	Thuê xe ô tô phục vụ Ban Lãnh đạo Công ty Lọc - Hóa dầu Bình Sơn làm việc tại Hà Nội năm 2016 theo Đơn hàng số 580/ĐH-VP	Số 185-2016/HĐ/BSR-PVBLD ngày 28/3/2016	

1421
NG
PH
HÀ
LƯƠN
LƯK

STT	Hợp đồng	Số Hợp đồng	Ghi chú
14	Tổ chức Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm vận hành và bảo dưỡng sửa chữa theo Đơn hàng số 402a/ĐH-VP ngày 17/10/2016	Số 987-2016/HĐ/BSR-PVBLD ngày 08/11/2016	
15	Mua sắm và thi công xây lắp công trình xây dựng nhà luyện tập bóng bàn tại Khu tập thể đê bao Sông Trà	Số 15/2016/HĐKT/BSR-PVB ngày 15/09/2016	
16	Cung cấp suất ăn công nghiệp, ăn ca phục vụ CBCNV tại Nhà máy Lọc dầu Dung Quất năm 2016 theo Đơn hàng số 122/ĐH-VP và Đơn hàng số 140/ĐH-VP	Số 520-2016/BSR-PVB ngày 01/07/2016	
17	Thuê dịch vụ xử lý côn trùng và động vật gây hại tại các điểm thuộc phạm vi mặt bằng NMLD Dung Quất và xưởng PP theo Đơn hàng số 750/ĐH-ATMT	Số 388-2016/HĐ/BSR-PVBLD ngày 03/6/2016	
18	Thuê dịch vụ quản lý khu tập thể Vạn Tường năm 2016 theo Đơn hàng số 500/ĐH-VP	Số 360-2016/HĐ/BSR-PVBLD ngày 26/5/2016	
19	Cung cấp vật tư, thiết bị điện nước và cung cấp một số hạng mục của dịch vụ sửa chữa xây dựng nhỏ phục vụ công tác quản lý điều hành của các phòng chức năng BSR năm 2016 theo Đơn hàng số 524/ĐH-VP	Số 409-2016/HĐ/BSR-PVBLD ngày 06/06/2016	
20	Thuê văn phòng làm việc phục vụ giao dịch của BSR tại Hà Nội theo Đơn hàng 567/ĐH-VP	Số 101-2016/HĐ/BSR-PVBLD ngày 26/2/2016	
21	Tổ chức hội nghị tổng kết công tác đền bù, giải phóng mặt bằng cho Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất theo Đơn hàng số 41/ĐH-VP ngày 20/1/2016	Số 322-2016/HĐ/BSR-PVB ngày 18/5/2016	

STT	Hợp đồng	Số Hợp đồng	Ghi chú
22	Thuê xe ô tô phục vụ hoạt động của Ban QLDA NCMR NMLD Dung Quất	Số 07-2015/HĐ/DQRE-PVBLD ngày 28/8/2015	Phụ lục số 01 ngày 01/01/2016
23	Thuê dịch vụ bảo trì, duy tu sửa chữa và trang bị công cụ, dụng cụ cho Khu vực trạm xuất xe bồn tại P3 theo Đơn hàng số 207/ĐH-VP	Số 684-2016/HĐ/BSR-PVBLD ngày 12/8/2016	
24	Thuê đơn vị cung cấp dịch vụ đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho nhân sự trực dự phòng nóng, xử lý sự cố theo Đơn hàng số 81/ĐH-VP	Số 217-2016/HĐ/BSR-PVBLD ngày 08/4/2016	
25	Tổ chức tiệc liên hoan tất niên cuối năm theo Đơn hàng số 32/ĐH-VP ngày 15/01/2016	Số 207-2016/HĐ/BSR-PVB ngày 06/4/2016	
26	Bổ sung dịch vụ sửa chữa, bảo trì căn hộ C2-12 khu nhà ở CBCNV tại Vạn Tường năm 2015 theo Đơn hàng số 476/ĐH-VP (Nhà trực sự cố khẩn cấp phục vụ Ban Lãnh đạo Công ty)	Số 31-2016/HĐ/BSR-02-PVBLD ngày 21/01/2016	
27	Thuê dịch vụ sửa chữa, bảo trì Khu nhà ở CBCNV tại Vạn Tường năm 2015 theo Đơn hàng số 189/ĐH-ĐTXD	Số 645-2015/HĐ/BSR-PVBLD ngày 01/10/2015	
28	Thuê dịch vụ dọn vệ sinh 02 tuyến đường 1km vào NMLD Dung Quất và dọn vệ sinh tuyến đường lên Khu giới thiệu toàn cảnh Đồi cây sáu năm 2016 theo Đơn hàng số 498/ĐH-VP	Số 86-2016/HĐ/BSR-PVBLD ngày 22/2/2016	
29	Cung cấp dịch vụ giữ xe máy và ô tô tại Khu tập thể Đê bao sông Trà cho CBCNV BSR theo Đơn hàng số 780/ĐH-ATMT	Số 84-2016/HĐ/BSR-PVBLD ngày 22/2/2016	

STT	Hợp đồng	Số Hợp đồng	Ghi chú
30	Thuê dịch vụ lễ tân phục vụ theo Đơn hàng số 11a/ĐH-VP ngày 07/1/2016	Số 205-2016/HĐ/BSR-PVB ngày 5/4/2016	
31	Thuê dịch vụ giặt là quần áo BHLĐ cho CBCNV Nhà máy Lọc dầu Dung Quất theo Đơn hàng số 718/ĐH-ATMT	Số 231-2016/HĐ/BSR-PVBLD ngày 11/4/2016	
32	Mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ Tết Nguyên Đán Bính Thân năm 2016 theo Đơn hàng 26/ĐH-VP - Hạng mục Quà tặng đối ngoại và bánh kẹo phục vụ CBCNV	Số 43-2016/HĐ/BSR-PVBLD ngày 29/01/2016	

DANH MỤC
NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (2016-2020)

1. Báo cáo năm 2020

1.1 06 tháng đầu năm:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông
1	01/NQ-HĐQT- PVBLD	20/02/2020	Tạm thời chấp thuận kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	100%
2	02/NQ-HĐQT- PVBLD	03/04/2020	Công tác cán bộ	100%
3	03/NQ-HĐQT- PVBLD	28/05/2020	Kỳ họp tháng 5/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	100%
4	04/NQ-HĐQT- PVBLD	24/06/2020	Về việc phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	100%
5	01/QĐ-HĐQT- PVBLD	09/1/2020	Tạm trích quỹ tiền lương chi cho CB Quản lý Công ty nhân dịp Tết âm lịch năm 2020	100%
6	02/QĐ-HĐQT- PVBLD	20/2/2020	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: "Mua xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh"	100%
7	03/QĐ-HĐQT- PVBLD	25/2/2020	Ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	100%
8	04/QĐ-HĐQT- PVBLD	27/3/2020	Phân phối lương, thù lao thực hiện năm 2019 cho Cán bộ quản lý Công ty	100%
9	05/QĐ-HĐQT- PVBLD	03/4/2020	Bổ nhiệm cán bộ đối với Ông Phạm Trung Tín	100%
10	06/QĐ-HĐQT- PVBLD	24/4/2020	Về việc chi thưởng hoàn thành nhiệm vụ năm 2019	100%
11	07/QĐ-HĐQT- PVBLD	18/5/2020	Về việc phê duyệt giá sản để bán đấu giá tài sản	100%
12	08/QĐ-HĐQT- PVBLD	28/5/2020	Chấp thuận phân bổ và kế hoạch chi Quỹ Khen thưởng Phúc lợi năm 2020	100%
13	09/QĐ-HĐQT- PVBLD	28/5/2020	Phê duyệt chi tiết kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020	100%

1.2 06 tháng cuối năm:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	06/NQ-HĐQT- PVBLD	26/08/2020	Nghị quyết kỳ họp	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
2	07/NQ-HĐQT-PVBLD	11/11/2020	Kỳ họp tháng 11/2020 của HĐQT Công ty	100%
3	08/NQ-HĐQT-PVBLD	21/12/2020	Bổ nhiệm lại Bà Lê Hoàng Anh giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Phòng Kinh doanh	100%
4	10/QĐ-HĐQT-PVBLD	25/08/2020	Ban hành Quy chế mua sắm hàng hóa và dịch vụ của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	100%
5	11/QĐ-HĐQT-PVBLD	27/08/2020	Chi thưởng bổ sung nhân dịp Lễ Quốc Khánh 02/09/2020	100%
6	12/QĐ-HĐQT-PVBLD	03/09/2020	Về việc phê duyệt giá sàn để bán đấu giá tài sản	100%
7	13/QĐ-HĐQT-PVBLD	29/12/2020	Chi lương bổ sung cho cán bộ quản lý	100%

2. Báo cáo năm 2019

2.1 06 tháng đầu năm:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT-PVBLD	24/05/2019	Kỳ họp tháng 05/2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	100%
2	01/QĐ-HĐQT-PVBLD	03/01/2019	Giải thể Tổ thư ký Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	100%
3	02/QĐ-HĐQT-PVBLD	21/03/2019	Bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Công ty	100%
4	03/QĐ-HĐQT-PVBLD	21/03/2019	Bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng Công ty	100%
5	04/QĐ-HĐQT-PVBLD	24/04/2019	Chi thưởng hoàn thành nhiệm vụ năm 2018	100%
6	05/QĐ-HĐQT-PVBLD	24/05/2019	Chi trả phần còn lại cổ tức năm 2018 bằng tiền	100%
7	06/QĐ HĐQT PVBLD	24/05/2019	Phê duyệt chi tiết kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty	100%

2.2 06 tháng cuối năm:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	02/NQ-HĐQT-PVBLD	16/09/2019	Phê duyệt bổ sung hạng mục mua sắm xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh vào kế hoạch năm 2019 của Công ty	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
2	07/QĐ-HĐQT- PVBLD	12/7/2019	Thành lập Hội đồng khoa học	100%
3	08/QĐ-HĐQT- PVBLD	7/8/2019	Nâng mức lương hiệu quả cho Ông Nguyễn Văn Tuấn	100%
4	09/QĐ-HĐQT- PVBLD	8/8/2019	Nâng mức lương tham gia BHXH, BHYT, BHTN trước thời hạn cho Ông Nguyễn Văn Tuấn	100%
5	34/QĐ-HĐQT- PVBLD	8/8/2019	Cho thôi chức vụ Giám đốc PVBLD (Ông Trần Đoàn Thịnh)	100%
6	35/QĐ-HĐQT- PVBLD	8/8/2019	Bổ nhiệm Giám đốc PVBLD (Ông Trần Xuân Thu)	100%
7	36/QĐ-HĐQT- PVBLD	14/10/2019	Ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	100%
8	37/QĐ-HĐQT- PVBLD	14/10/2019	Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Sửa chữa các căn hộ tại Khu tập thể Đê bao sông Trà Khúc	100%
9	38/QĐ-HĐQT- PVBLD	21/10/2019	Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Sửa chữa các căn hộ tại khu Đê bao sông Trà Khúc	100%
10	39/QĐ-HĐQT- PVBLD	4/11/2019	Phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu Thi công sửa chữa các căn hộ tại khu Đê bao sông Trà Khúc để cung cấp dịch vụ cho thuê nhà ở chất lượng cao	100%
11	40/QĐ-HĐQT- PVBLD	5/11/2019	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua xe ô tô phục vụ SXKD	100%
12	41/QĐ-HĐQT- PVBLD	18/11/2019	Phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu Mua xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh	100%

3. Báo cáo năm 2018

3.1 06 tháng đầu năm:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT- PVBLD	05/03/2018	Tạm thời chấp thuận kế hoạch SXKD năm 2018 của PV Building	100%

2	02/NQ-HĐQT-PVBLD	26/04/2018	Chuyển hình thức đăng ký niêm yết	100%
3	03/NQ-HĐQT-PVBLD	03/05/2018	Kỳ họp tháng 5/2018 của HĐQT PV Building	100%
4	01/QĐ-HĐQT-PVBLD	05/03/2018	Phê duyệt phương án vay vốn phục vụ SXKD cho niên độ tài chính 2018	100%
5	02/QĐ-PVBLD	24/04/2018	Chi thưởng hoàn thành nhiệm vụ năm 2017	100%

3.2 06 tháng cuối năm:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	04/NQ-HĐQT-PVBLD	02/08/2018	Phê duyệt sửa đổi, bổ sung định mức nguyên liệu các dòng sản phẩm của Phân xưởng sản xuất bao bì	100%
2	05/NQ-HĐQT-PVBLD	15/08/2018	Đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	100%
3	06/NQ-HĐQT-PVBLD	30/10/2018	Thông qua phương án lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
4	07/NQ-HĐQT-PVBLD	28/11/2018	Kỳ họp tháng 11 năm 2018 của HĐQT Công ty	100%
5	03/QĐ-HĐQT-PVBLD	20/07/2018	Phê duyệt định mức nhiên liệu xe ô tô (76B-01085)	100%
6	04/QĐ-HĐQT-PVBLD	23/08/2018	Phê duyệt phương án tạm ứng cổ tức 06 tháng đầu năm 2018	100%
7	05/QĐ-HĐQT-PVBLD	24/08/2018	Phê duyệt phương án tạm ứng cổ tức 06 tháng đầu năm 2018	100%
8	06/QĐ-HĐQT-PVBLD	10/12/2018	Điều chỉnh bảng lương, hệ số lương cơ bản của CBQL và NLĐ PVBLD	100%
9	07/QĐ-HĐQT-PVBLD	26/12/2018	Chuyển xếp mức lương tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho Cán bộ quản lý Công ty	100%

4. Báo cáo năm 2017

4.1 06 tháng đầu năm:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT-PVBLD	10/01/2017	Về việc nhân sự của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí.	100%

2	02/NQ-HĐQT-PVBLD	17/01/2017	Về việc nhân sự của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí.	100%
3	03/NQ-HĐQT-PVBLD	16/02/2017	Về việc tạm thời chấp thuận kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí.	100%
4	04/NQ-HĐQT-PVBLD	05/04/2017	Về việc nhân sự của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí.	100%
5	05/NQ-HĐQT-PVBLD	14/04/2017	Về việc nhân sự của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí.	100%
6	01/QĐ-PVBLD	19/04/2017	Về việc thành lập Tổ Thư ký Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí.	100%

4.2 06 tháng cuối năm:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	06/NQ-PVBLD	12/09/2017	Chấp thuận chủ trương nghiên cứu đầu tư và bổ sung kế hoạch năm 2017 kinh phí lập dự án đầu tư kho chứa và trạm nạp LPG vào xe bồn tại Dung Quất	100%
2	02/QĐ-HĐQT-PVBLD	12/09/2017	Bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Hoàng (giữ chức vụ Trưởng phòng Kỹ thuật – Tổng hợp)	100%
3	03/QĐ-HĐQT-PVBLD	18/09/2017	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý tài chính của PVBLD ban hành kèm theo QĐ số 12/QĐ-HĐQT-PVBLD ngày 29/4/2014 của HĐQT	100%

4. Báo cáo năm 2016

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-PVBLD	25/01/2016	Tạm thời chấp thuận kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty CP Nhà và TM Dầu khí	100%
2	02/NQ-PVBLD	25/01/2016	Quy định mức lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách của Công ty CP Nhà và TM Dầu khí	100%
3	03-NQ-PVBLD	18/04/2016	Phê duyệt phương thức thanh lý, nhượng bán tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
4	04/NQ-HĐQT- PVBLD	27/05/2016	Nhân sự của PVBLD (Đối với ông Lương Hữu Khoa Luật PP.KHHĐ)	100%
5	05/NQ-HĐQT- PVBLD	27/05/2016	Nhân sự của PVBLD (Đối với ông Nguyễn Tấn Phát PP.TCKT)	100%
6	06/NQ-HĐQT- PVBLD	16/06/2016	Phê duyệt cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các phòng và tương đương thuộc PVBLD	100%
7	07/NQ-PVBLD	21/06/2016	Bổ sung ngành nghề kinh doanh	100%
8	10/NQ-HĐQT- PVBLD	19/08/2016	Kỳ họp tháng 08/2016 của HĐQT Công ty PVBLD	100%
9	11/NQ-PVBLD	28/10/2016	Chấp thuận bổ sung chỉ tiêu mua sắm vào kế hoạch SXKD năm 2016 của Công ty	100%
10	12/NQ-PVBLD	22/11/2016	Bổ sung ngành nghề kinh doanh	100%
11	01a/QĐ-HĐQT- PVBLD	25/02/2016	Sửa đổi, bổ sung Bảng lương cơ bản của người lao động Công ty CP Nhà và TM Dầu khí	100%
12	02-QĐ-HĐQT- PVBLD	31/03/2016	Phê duyệt định mức nhiên liệu xe ô tô	100%
13	03-QĐ-HĐQT- PVBLD	25/04/2016	Phê duyệt giá sàn để bán đấu giá tài sản	100%
14	03a/QĐ-PVBLD	28/04/2016	Bổ nhiệm Giám đốc PVBLD	100%
15	04/QĐ-HĐQT- PVBLD	23/05/2016	Chi thưởng hoàn thành nhiệm vụ năm 2015	100%
16	05/QĐ-HĐQT- PVBLD	21/06/2016	Xếp lương cơ bản cho cán bộ quản lý Công ty	100%
17	05a/QĐ-HĐQT- PVBLD	20/07/2016	Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc PVBLD	100%
18	05b/QĐ-HĐQT	08/08/2016	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chuyên gia xét thầu, tổ thẩm định công trình cải tạo nâng cấp trụ sở PVBLD	100%

3004
CÔNG
SỐ P
NH
THU
JAU
V T.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
19	06/QĐ-HĐQT- PVBLD	29/08/2016	Về việc nâng lương hiệu quả của Bà Nguyễn Thị Hương	100%
20	07/QĐ-HĐQT- PVBLD	29/08/2016	Về việc nâng lương hiệu quả của Ông Huỳnh Trịnh Văn	100%
21	08/QĐ-HĐQT- PVBLD	29/08/2016	Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Tuấn (giữ chức Quản đốc PXSX BB)	100%
22	10/QĐ-HĐQT- PVBLD	25/10/2016	Phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh xây lắp gói thầu thi công xây dựng công trình Cải tạo nâng cấp trụ sở PVBLD	100%
23	11-QĐ-HĐQT- PVBLD	15/11/2016	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp Gói thầu Mua sắm xe đạp và CCDC để cung cấp dịch vụ cho thuê tại NMLD Dung Quất	100%
24	12/QĐ-HĐQT- PVBLD	28/11/2016	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu Thi công xây dựng công trình Cải tạo nâng cấp trụ sở Công ty PV Building	100%
25	13/QĐ-HĐQT- PVBLD	28/11/2016	Bổ nhiệm lại Thư ký Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (Ông Lê Xuân Huy)	100%



Số: 02 /TTr-HĐQT

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc xin phê duyệt quỹ lương cán bộ quản lý trách, thù lao kiêm nhiệm
và phân chia lợi nhuận sau thuế**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty PV Building năm 2021.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2020;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch 2021;

Hội đồng quản trị kính trình và xin ý kiến phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2021 một số nội dung sau:

1. Quỹ lương thực hiện cán bộ quản lý và thù lao kiêm nhiệm năm 2020.

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Kế hoạch	Thực hiện	Ghi chú
1	Lương CBQL	2.894,09	2.144,867	Giảm quỹ lương do số CBQL thực hiện thấp hơn so với kế hoạch
2	Thù lao kiêm nhiệm	233,87	251,318	Tăng quỹ thù lao do lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch

2. Kế hoạch quỹ lương cán bộ quản lý và thù lao kiêm nhiệm năm 2021

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Số lượng	Kế hoạch	Ghi chú
1	Lương CBQL	7,25	2.666,079	
2	Thù lao kiêm nhiệm	03	201,600	

3. Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế của năm 2020

ĐVT: VNĐ

Lợi nhuận sau thuế	14.495.494.749
1. Trích lập Quỹ Khen thưởng - Phúc lợi (tương đương 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động)	3.279.588.784

2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ (1,5 tháng lương, thù lao BQ thực hiện của CBQL)	299.523.033
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ và thưởng hoàn thành nhiệm vụ (chia cổ tức cho các cổ đông)	10.916.382.932
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn: 83,26%	9.088.980.429
Khách sạn Cẩm Thành: 3,14%	342.774.424
Nhóm cổ đông cá nhân: 13,6%	1.484.628.079

Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 6,23%

4. Kế hoạch phân chia lợi nhuận sau thuế của năm 2021

ĐVT: Triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế	14.975,939
1. Trích lập Quỹ Khen thưởng - Phúc lợi (1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động)	3.346,555
2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ (1,5 tháng lương thực hiện bình quân của CBQL)	358,460
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập được sử dụng để chia cổ tức cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn góp	11.270,924

* Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 6,43%

Hội đồng quản trị Công ty kính trình và xin ý kiến Đại hội!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu VT, Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Đức Hợp

Số: 01 /BC-BKS

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 3 năm 2021



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;
Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD ngày 23/4/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.*

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông những nội dung sau đây:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

1. Nhân sự Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên:

- Bà Đỗ Thị Phương Thúy - Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Thành viên
- Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Thành viên

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, cụ thể:

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành;
- Tham dự và ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành;
- Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trình Đại hội đồng cổ đông;
- Tiến hành các cuộc họp định kỳ của Ban kiểm soát để tổng kết các công việc thực hiện trong kỳ và lập kế hoạch hoạt động cho kỳ tiếp theo;
- Thực hiện hai đợt kiểm tra, soát xét trực tiếp về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty, đánh giá tình hình thực hiện so với cùng kỳ năm trước và so với kế hoạch;
- Xem xét tính tuân thủ, phù hợp và có các kiến nghị đến Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ, công tác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác hạch toán kế toán;



- Xem xét, đề xuất Đơn vị kiểm toán độc lập soát xét Báo cáo tài chính bán niên/năm của Công ty, xây dựng dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, quyền hạn của Ban kiểm soát.

✓ **Hoạt động của từng kiểm soát viên:**

- Bà Đỗ Thị Phương Thúy: Phụ trách chung trong điều hành hoạt động của Ban kiểm soát; kiểm tra hồ sơ, công tác kế toán liên quan đến hoạt động tài chính, đầu tư, thương mại, nghĩa vụ của Công ty về công bố thông tin.
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo: Kiểm tra hồ sơ, công tác kế toán liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm bao bì, nghĩa vụ của Công ty đối với người lao động.
- Bà Phạm Thị Hồng Hạnh: Kiểm tra hồ sơ, công tác kế toán liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp, nghĩa vụ của Công ty về báo cáo và nộp ngân sách nhà nước.

✓ **Đánh giá:** Các kiểm soát viên đã thực hiện nhiệm vụ theo đúng các quy định, tích cực nghiên cứu, tư vấn và phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban điều hành, luôn cố gắng hoàn thành tốt vai trò, chức trách của mình.

3. Tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát được chi trả theo quy định của Công ty và tuân thủ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tổng thu nhập của Ban kiểm soát trong năm 2020 là 412.057.632 đồng, trong đó: thu nhập của Trưởng ban 254.984.152 đồng, của thành viên 78.536.740 đồng/thành viên.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2020

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở Kế hoạch năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD ngày 23/04/2020, Hội đồng quản trị đã bám sát phương hướng, nhiệm vụ năm 2020, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất và tổ chức các lần lấy ý kiến bằng văn bản.

Các thành viên Hội đồng quản trị đã hoạt động tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty; xem xét các tờ trình, báo cáo và giám sát hoạt động của Ban điều hành; chỉ đạo và giải quyết công việc kịp thời. Các văn bản của Hội đồng quản trị được ban hành đúng trình tự và đầy đủ căn cứ pháp lý. Công ty đã công bố thông tin danh mục các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2020 tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty theo quy định.

2. Hoạt động của Ban điều hành

Triển khai các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tổ chức thường xuyên các cuộc họp giao ban để thảo luận công việc, cùng nhau tháo gỡ những khó khăn phát sinh, chỉ đạo các bộ phận chuyên môn thực hiện các giải pháp nhằm ổn định sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Ban điều hành đã tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty, phát huy tốt vai trò của mình trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, làm việc chủ động và trách nhiệm, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

III. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Việc phối hợp hoạt động, trao đổi thông tin giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban điều hành được thực hiện thông qua hình thức trao đổi trực tiếp, thư điện tử và văn bản, dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng và tuân thủ các quy định.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát tại Công ty; các kiến nghị của Ban kiểm soát được Ban điều hành triển khai đến từng bộ phận.

Trong năm 2020, không có văn bản nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra các vấn đề liên quan đến công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các mặt hoạt động của Công ty.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH, GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2020

1. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020

Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, với ý kiến của Kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần.

Qua thẩm định, Ban kiểm soát xác nhận rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban kiểm soát không có đề xuất điều chỉnh nào khác đối với số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Ban kiểm soát xin lưu ý đến Quý cổ đông, tại phần Thuyết minh số 04, Công ty đã điều chỉnh hồi tố một vài số liệu năm trước trên Báo cáo tài chính năm 2020 do hạch toán bổ sung chi phí thuê đất năm 2018 và năm 2019 theo Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 về việc hủy bỏ Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Công ty đã có văn bản giải trình kết quả điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính và công bố thông tin theo quy định.

2. Tình hình tài chính năm 2020

✓ *Tình hình tài sản, nguồn vốn của Công ty tại ngày 31/12/2020:*

Đvt: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)	Tăng/Giảm		Tỷ trọng
				Giá trị	Tỷ lệ	
I	Tổng tài sản	234.275.973.870	226.255.282.000	8.020.691.870	4%	100%
1	Tài sản ngắn hạn	145.014.310.716	132.178.943.025	12.835.367.691	10%	62%
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	24.732.851.428	32.293.741.383	(7.560.889.955)	-23%	
	- Đầu tư tài chính ngắn hạn	56.166.010.000	2.000.000.000	54.166.010.000	2708%	
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	38.817.892.211	61.082.723.867	(22.264.831.656)	-36%	
	- Hàng tồn kho	24.312.413.633	35.405.791.439	(11.093.377.806)	-31%	
	- Tài sản ngắn hạn khác	985.143.444	1.396.686.336	(411.542.892)	-29%	
2	Tài sản dài hạn	89.261.663.154	94.076.338.975	(4.814.675.821)	-5%	38%
	- Tài sản cố định	81.753.216.085	89.789.953.841	(8.036.737.756)	-9%	
	- Tài sản dài hạn khác	7.508.447.069	4.286.385.134	3.222.061.935	75%	
II	Tổng nguồn vốn	234.275.973.870	226.255.282.000	8.020.691.870	4%	100%
1	Nợ phải trả	43.611.654.952	35.068.048.849	8.543.606.103	24%	19%
?	Vốn chủ sở hữu	190.664.318.918	191.187.233.151	(522.914.233)	0%	81%

129
GT
HÀ
IÀ
NG
KH
QU

Tổng tài sản (tổng nguồn vốn) của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 234,28 tỷ đồng, tăng 8,02 tỷ đồng (tương đương tăng 4%) so với đầu năm.

Về tài sản: Tỷ trọng tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn lần lượt là 62% và 38%. So với đầu năm, tài sản ngắn hạn tăng 12,84 tỷ đồng (tăng 10%), trong đó các khoản đầu tư tài chính tăng 54,17 tỷ đồng; tài sản dài hạn giảm 4,81 tỷ đồng (giảm 5%), chủ yếu do tăng giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định.

Về nguồn vốn: Tỷ trọng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu lần lượt là 19% và 81%. Nợ phải trả là các khoản ngắn hạn, tăng 8,54 tỷ đồng (tăng 24%) so với đầu năm, chủ yếu do tăng các khoản phải trả người bán và phải nộp ngân sách nhà nước. Vốn chủ sở hữu giảm nhẹ so với đầu năm, do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm.

✓ *Đánh giá tình hình tài chính qua các chỉ số tài chính:*

Nhóm	Nội dung	2020	2019
1	Hệ số thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	3,33	3,77
	Hệ số thanh toán nhanh (Tiền và tương đương tiền/Nợ ngắn hạn)	0,57	0,92
	Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,19	0,15
2	Vòng quay tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	1,54	1,42
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	10,74	9,45
	Vòng quay các khoản phải thu (Doanh thu có thuế/Các khoản phải thu BQ)	7,79	5,00
3	Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS = Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	4,10%	4,41%
	Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA = Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ)	6,30%	6,26%
	Tỷ suất thu hồi vốn đầu tư (ROE = Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân)	7,59%	7,90%

Về năng lực thanh toán: Nợ phải trả ở mức thấp, tiền và tương đương tiền có thể đáp ứng ngay được các khoản nợ đến hạn, Công ty không gặp khó khăn về tài chính.

Về hiệu suất hoạt động: So với năm trước, tài sản tạo ra nhiều doanh thu hơn, số vòng quay hàng tồn kho và vòng quay các khoản phải thu nhiều hơn, Công ty đang từng bước quản trị tốt hàng tồn kho và tích cực trong công tác thu hồi công nợ khách hàng.

Về khả năng sinh lời: Nhìn chung tương đối ổn định so với năm trước, phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế của Công ty.

3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2020	% so với kế hoạch 2020
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Tỷ đồng	358,32	257,00	139%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	16,60	16,00	104%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	14,50	14,24	102%
4	Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu	%	7,60	7,40	103%
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	12,90	9,10	142%

Kết thúc năm 2020, bằng những nỗ lực và quyết tâm cao của tập thể cán bộ - người lao động, Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được giao. Tổng doanh thu toàn Công ty đạt 358,32 tỷ đồng, vượt 39% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 14,5 tỷ đồng, vượt 2% kế hoạch năm.

Ban kiểm soát đã xem xét, kiểm tra các số liệu và nội dung báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên tại Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Báo cáo hoạt động của Ban điều hành. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như các hoạt động

khác của Công ty đã được Ban điều hành, Hội đồng quản trị trình bày đầy đủ và chính xác, tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với thực tiễn.

V. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2020

- Chú trọng công tác rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.
- Tiếp tục quản trị dòng tiền, các khoản phải thu và hàng tồn kho; quản lý lao động tiền lương; tăng cường kiểm soát tình hình thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật tại phân xưởng sản xuất bao bì; thực hiện đồng bộ các giải pháp về tiết giảm chi phí, đặc biệt trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 nhằm đảm bảo an toàn tài chính, nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn cho cổ đông.
- Nâng cao chất lượng công tác thống kê, báo cáo, kịp thời nắm bắt thông tin và lập các kế hoạch đầu tư, kinh doanh phù hợp với thực tế thị trường; đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác xây dựng chiến lược Công ty và định hướng kinh doanh dài hạn.

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

- Tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty;
- Tăng cường công tác phối hợp, nghiên cứu và đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban điều hành nhằm kiểm soát tốt các chi phí, kịp thời cảnh báo các rủi ro;
- Tiếp tục xây dựng dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trước ngày 30/6/2021;
- Thực hiện các công việc theo yêu cầu hợp pháp của cổ đông, nhóm cổ đông;
- Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của các kiểm soát viên.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BĐH;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đỗ Thị Phương Thúy

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Số : 03 /TTr-PVBLD

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí nhiệm kỳ 2021 -2025**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan;

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn liên quan;

- Điều lệ Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí ngày 23/4/2020.

1. Thực trạng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty PV Building

Ngày 28/4/2016, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã bầu Hội đồng quản trị gồm 03 thành viên; trong đó: Công ty THHH MTV Lọc – Hóa dầu Bình Sơn (BSR) cử 02 đại diện, Nhà khách Cẩm Thành (nay là Khách sạn Cẩm Thành) thuộc Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi cử 01 đại diện; đồng thời, cùng ngày phiên họp thứ nhất của Hội đồng quản trị đã tiến hành bầu Chủ tịch và chấp thuận bổ nhiệm Giám đốc, cụ thể:

1.1. Ông Trần Đức Hợp người đại diện 60% phần vốn góp của BSR tại PV Building và được bầu làm Chủ tịch HĐQT Công ty

1.2. Ông Trần Đoàn Thịnh người đại diện 40% phần vốn góp của BSR tại PV Building và được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty

1.3. Bà Lê Thị Xí người đại diện phần vốn của Khách sạn Cẩm Thành thuộc Tỉnh ủy Quảng Ngãi tại PV Building.

Trong nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị có sự thay đổi như sau:

Ngày 23/4/2018, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua việc cho Bà Lê Thị Xí thôi làm thành viên Hội đồng quản trị, đồng thời chấp thuận Bà Hà Thị Hoa là người đại diện ủy quyền của nhóm cổ đông cá nhân tại PVBuilding làm thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách.

Tháng 8/2019 do yêu cầu công tác cán bộ của Cổ đông BSR, Ông Trần Đoàn Thịnh được điều động và bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc BSR; do đó, Hội đồng quản trị đã miễn nhiệm chức danh Giám đốc của Ông Trần Đoàn Thịnh, thôi tiếp tục là thành viên HĐQT kiêm nhiệm.

Hiện tại Hội đồng quản trị 03 người (02 người đại diện của BSR, 01 đại diện của nhóm cổ đông cá nhân); Ban kiểm soát 03 người (01 người đại diện của BSR, 01 đại



diện của Khách sạn Cẩm Thành thuộc Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi và 01 người đại diện của nhóm cổ đông cá nhân).

Cụ thể:

Hội đồng quản trị:

- Ông **Trần Đức Hợp** - Chủ tịch Hội đồng quản trị, nhân sự do BSR (cổ đông sở hữu 83,26% cổ phần phổ thông của PV Building) đề cử,

- Ông **Trần Đoàn Thịnh** - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm, nhân sự do BSR (cổ đông sở hữu 83,26% cổ phần phổ thông của PV Building) đề cử;

- Bà **Hà Thị Hoa** - Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách, nhân sự do nhóm cổ đông cá nhân (nhóm cổ đông cá nhân sở hữu 13,6% cổ phần phổ thông của PV Building) đề cử.

Ban Kiểm soát:

- Bà **Đỗ Thị Phương Thúy** - Trưởng Ban kiểm soát, nhân sự do nhóm cổ đông cá nhân (nhóm cổ đông sở hữu 13,6% cổ phần phổ thông của PV Building) đề cử

- Bà **Nguyễn Thị Thanh Thảo** - Thành viên Ban kiểm soát, nhân sự do BSR (cổ đông sở hữu 83,26% cổ phần phổ thông của PV Building) đề cử

- Bà **Phạm Thị Hồng Hạnh** - Thành viên Ban kiểm soát, nhân sự do Khách sạn Cẩm Thành (cổ đông sở hữu 3,14% cổ phần phổ thông của PV Building) đề cử

2. Đề xuất cơ cấu và số lượng nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 -2025:

Điều lệ Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí ngày 23/4/2020 quy định:

“Điều 9. Quyền của cổ đông

...

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị: cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 35% được đề cử 01 người, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 35% đến dưới 51% cổ phần phổ thông được đề cử 02 người, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 51% đến dưới 65% cổ phần phổ thông được đề cử 03 người, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 65% cổ phần phổ thông được đề cử 04 người;

b. Đề cử người vào Ban kiểm soát: cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 51% được đề cử 01 người, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 51% cổ phần phổ thông được đề cử 02 người.”

“Điều 23. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Căn cứ tình hình thực tế, Công ty sẽ tiến hành bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định của pháp luật”.



Quy định này của Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Trên cơ sở thực trạng và căn cứ nêu trên, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 -2020 trình Đại hội đồng cổ đông về số lượng, cơ cấu và thành phần của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 -2026 như sau:

2.1. Số lượng Hội đồng quản trị 05 người có cơ cấu thành phần như sau: BSR đề cử hoặc giới thiệu 04 người, Nhóm cổ đông cá nhân sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông giới thiệu 01 người.

2.2. Số lượng Ban kiểm soát 03 người có cơ cấu thành phần như sau: BSR đề cử hoặc giới thiệu 02 người, Nhóm cổ đông cá nhân sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông giới thiệu 01 người.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu VT, Thư ký.




Trần Đức Hợp



**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Số: 0L /TTr-HĐQT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 3 năm 2021

**TỜ TRÌNH
Về việc xin phê duyệt ký kết hợp đồng với người có liên quan**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;

Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Công ty về việc chấp thuận ký kết hợp đồng, giao dịch với Cổ đông Công ty cổ phần Lạc – Hóa dầu Bình Sơn (Cổ đông đang sở hữu 83,26% cổ phần phổ thông tại Công ty);

Thực hiện đúng quy định về thẩm quyền chấp thuận ký kết hợp đồng/giao dịch giữa Công ty với người có liên quan.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận việc ký kết các hợp đồng (Có danh mục các hợp đồng kèm theo).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu VT, Thư ký

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Đức Hợp



DANH MỤC HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Tờ trình số: 01/TT-Tr-HĐQT ngày 24/3/2021

của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí)

STT	Hợp đồng	Số Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng	Ghi chú
I	Kinh doanh bao bì			
1	Hợp đồng về việc cung cấp bao đóng gói hạt nhựa Polypropylen theo Đơn hàng và Dự toán số 214/ĐH-ĐĐSX.	số 867 ngày 20/12/2019	81.400.000.000	Phụ lục năm 2021
II	Kinh doanh thương mại			
2	Hợp đồng về việc cung cấp Pallet cho Phân xưởng Polypropylen theo Đơn hàng và Dự toán số 215/ĐH-ĐĐSX	số 10 ngày 04/01/2020	48.562.800.000	Phụ lục năm 2021
3	Hợp đồng về việc tiêu thụ hạt nhựa PP Dung Quất giai đoạn 2017-2021	số 1121 ngày 21/12/2017	Thanh toán theo thực tế giá trị (Giá trị hàng năm trên 10% Tổng giá trị tài sản Công ty)	Phụ lục năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN
NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01 /TTr-BKS

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 3 năm 2021



TỜ TRÌNH

V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí.

Nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (Công ty) phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, nâng cao tính chuyên nghiệp trong quản trị điều hành và công khai minh bạch các hoạt động của Công ty; Ban kiểm soát kính đề xuất Đại hội đồng cổ đông xem xét, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị thực hiện soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BDH;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Đỗ Thị Phương Thúy

Số: /BB-ĐHĐCĐ-PVBLD

Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO

BIÊN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Trụ sở chính: Khu đô thị mới Vạn Tường, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Mã số doanh nghiệp: 4300429492.

Đại hội khai mạc vào lúc 08 giờ 30 ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại Hội trường Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (thôn Phước Hòa, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi).

Đoàn Chủ tịch Đại hội:

- Ông Trần Đức Hợp – Chủ tịch HĐQT: Chủ tọa Đại hội;
- Bà Hà Thị Hoa – Thành viên HĐQT.

-

-

Thư ký Đại hội:

- Ông Lê Xuân Huy – Người phụ trách quản trị Công ty, Trưởng phòng TCHC Công ty.

Thành phần tham dự:

Đại biểu mời:

- Ông
- Ông

Cổ đông và đại diện cổ đông tham dự:

Đại diện của 02 cổ đông pháp nhân (Công ty Cổ phần Lọc – Hóa dầu Bình Sơn, Khách sạn Cẩm Thành) và các cổ đông cá nhân với tỷ lệ 96,52 % cổ phần có quyền biểu quyết.

Ban kiểm soát

- Bà Đỗ Thị Phương Thúy – Trưởng Ban;
- Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thành viên;
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Thành viên.

NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. Bà Đỗ Thị Phương Thúy báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông/đại diện cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại Đại hội, cụ thể:

1.1 Ông

1.2 Ông ...

1.3 Bà

1.4 Bà

1.5 Bà

1.2 Ông

Tỷ lệ cổ đông và đại diện cổ đông có mặt tại Đại hội đạt% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty – đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

2. Ông Trần Đức Hợp – Chủ tịch HĐQT thay mặt Đoàn chủ tịch phát biểu khai mạc Đại hội.

3. Ông Trần Xuân Thu – Giám đốc Công ty thay mặt Ban điều hành trình bày Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và giai đoạn 2016-2020, Kế hoạch SXKD năm 2021 và giai đoạn 2021-2025 (có Báo cáo đính kèm).

4. Ông Huỳnh Việt Cường – Kế toán trưởng thừa ủy nhiệm của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, trình bày Báo cáo kiểm toán độc lập (có Báo cáo đính kèm).

5. Ông/Bà.....– HĐQT trình bày:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị (có Báo cáo đính kèm).

- Tờ trình về việc chi lương cán bộ quản lý, thù lao kiêm nhiệm và phân phối lợi nhuận sau thuế

- Tờ trình về việc ký kết các hợp đồng với người có liên quan

6. Bà Đỗ Thị Phương Thúy – Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty (có Báo cáo đính kèm).

7. Phát biểu của cổ đông và đại diện các cổ đông

7.1 Ông/Bà

.....

7.2 Ông/Bà

.....

8. Đại hội thảo luận và thông qua:

8.1. Kết quả SXKD năm 2020:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2020	Thực hiện 2020	Ghi chú
I	CHỈ TIÊU SXKD				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	257,00	358,32	
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	16,00	16,60	
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	9,10	12,90	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	14,24	14,50	
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	7,40	7,60	
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	6,10	6,23	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2020	Thực hiện 2020	Ghi chú
II	TIỀN LƯƠNG				
1	Định mức lao động	Người	390	326	
2	Lao động bình quân	Người	370	323	
3	Năng suất lao động BQ theo tổng DT trừ chi phí chưa lương	Trđ/ng/t h	10,251	11,660	
4	Mức tiền lương bình quân	Trđ/th	5,942	6,759	
5	Quỹ tiền lương NLĐ	Tỷ đồng	26,384	26,198	
III	ĐẦU TƯ - MUA SẮM				
1	Xây dựng nhà kho nguyên liệu phục vụ sản xuất bao bì	Tỷ đồng	5,0	-	Chưa thực hiện
2	Mua máy kiểm tra chất lượng màng PP dệt	Tỷ đồng	1,0	0,7	
3	Mua sắm máy giặt, máy sấy giặt là (02 máy giặt + 01 máy sấy)	Tỷ đồng	1,0	0,5	(01 máy giặt và 01 máy sấy)
	Tổng cộng:	Tỷ đồng	7,0	1,2	

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết nội dung này: cổ phần, tương đương tổng số cổ phần của Công ty.

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: cổ phần, tương đương tổng số cổ phần của Công ty, đạt tỷ lệ số cổ phần của cổ đông và đại diện cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ...cổ phần, đạt tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... cổ phần, đạt ... tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần không họp lệ: ... cổ phần, đạttổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

8.2 Tình hình chi lương cán bộ quản lý chuyên trách và chi trả phụ cấp kiêm nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Kế hoạch	Thực hiện	Ghi chú
1	Lương CBQL	2.894,09	2.144,867	Giảm quỹ lương do số CBQL thực hiện thấp hơn so với kế hoạch

TT	Khoản mục	Kế hoạch	Thực hiện	Ghi chú
2	Thù lao kiêm nhiệm	233,87	251,318	Tăng quỹ thù lao do lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết nội dung này: cổ phần, tương đương tổng số cổ phần của Công ty.

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: cổ phần, tương đương tổng số cổ phần của Công ty, đạt tỷ lệ số cổ phần của cổ đông và đại diện cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ...cổ phần, đạt tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... cổ phần, đạt ... tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần không hợp lệ: ... cổ phần, đạttổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

8.3 Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2020:

		DVT: VNĐ
Lợi nhuận sau thuế		14.495.494.749
1. Trích lập Quỹ Khen thưởng - Phúc lợi (tương đương 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động)		3.279.588.784
2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ (1,5 tháng lương, thù lao BQ thực hiện của CBQL)		299.523.033
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ và thưởng hoàn thành nhiệm vụ (chia cổ tức cho các cổ đông)		10.916.382.932
	Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn: 83,26%	9.088.980.429
	Khách sạn Cẩm Thành: 3,14%	342.774.424
	Nhóm cổ đông cá nhân: 13,6%	1.484.628.079

Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 6,23%

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết nội dung này: cổ phần, tương đương tổng số cổ phần của Công ty.

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: cổ phần, tương đương tổng số cổ phần của Công ty, đạt tỷ lệ số cổ phần của cổ đông và đại diện cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ...cổ phần, đạt tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... cổ phần, đạt ... tổng số cổ phần có

quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần không hợp lệ: ... cổ phần, đạttổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

8.4. Kết quả SXKD giai đoạn 2016-2020

- Tổng doanh thu giai đoạn 2016-2020 đạt 2.495,5 tỷ đồng, đạt 81% kế hoạch, doanh thu không đạt kế hoạch do kể từ Quý IV năm 2018, sản lượng tiêu thụ hạt nhựa PP của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất giảm do sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường.

- Lợi nhuận sau thuế giai đoạn 2016-2020 đạt 72,4 tỷ đồng, đạt 105% kế hoạch.

- Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu trừ chi phí chưa lương) giai đoạn 2016-2020 đạt 10,19 triệu đồng/người/tháng, đạt 103% kế hoạch.

- Tiền lương bình quân năm 2020 của người lao động giai đoạn 2016-2020 đạt 5,87 triệu đồng/tháng đạt 80% kế hoạch. Tiền lương bình quân thực hiện giai đoạn 2016-2020 không đạt kế hoạch do khó khăn chung của nền kinh tế trong khu vực.

(có Phụ lục đính kèm)

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết nội dung này: cổ phần, tương đương tổng số cổ phần của Công ty.

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: cổ phần, tương đương tổng số cổ phần của Công ty, đạt tỷ lệ số cổ phần của cổ đông và đại diện cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ...cổ phần, đạt tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... cổ phần, đạt ... tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần không hợp lệ: ... cổ phần, đạttổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

8.5 Kế hoạch SXKD năm 2021

8.5.1. Mục tiêu:

Vận hành Nhà máy sản xuất bao bì đảm bảo an toàn, tối ưu hóa năng lực sản xuất hiện có, nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát tốt ở tất cả các khâu trong quá trình sản xuất để tăng hiệu quả đối với các dòng sản phẩm hiện có.

Đẩy mạnh công tác thị trường, mở rộng đầu tư sản xuất các loại sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu khách hàng, chú trọng hơn trong công tác nghiên cứu sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tạo các dây chuyền sản xuất hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất ngày càng nhiều hơn, sản phẩm đa dạng hơn, chất lượng tốt hơn.

Tập trung nghiên cứu, nắm bắt thị trường để mở rộng danh mục sản phẩm kinh doanh, củng cố quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng chủ chốt cùng với mở rộng danh sách khách hàng tiềm năng. Chú trọng hơn nữa công tác mở rộng danh mục sản phẩm, thị trường tiêu thụ.

Nắm chắc tình hình thị trường, tìm kiếm và lựa chọn đối tác uy tín, đảm bảo triển khai an toàn, hiệu quả việc phân phối sản phẩm hạt nhựa PP.

Tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Nhanh nhạy nắm bắt thông tin thị trường để triển khai các gói thầu cung cấp dịch vụ cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất và các đơn vị khác.

Mở rộng thêm một số lĩnh vực dịch vụ hậu cần khác trên cơ sở tận dụng các điều kiện sẵn có của đơn vị.

Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, kiện toàn hệ thống văn bản pháp lý và tăng cường giám sát nội bộ.

Không ngừng hoàn thiện công tác tổ chức nhân sự, đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ và người lao động, bổ sung nhân sự có năng lực quản lý điều hành; triển khai chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động có trình độ chuyên môn cao nhằm thu hút nhân sự phục vụ kế hoạch phát triển của Công ty.

8.5.2. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2021:

Các chỉ tiêu tài chính:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	193,26
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	540,00
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	16,40
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	14,98
5	Tỷ suất LNST/vốn chủ sở hữu	%	7,75
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	8,93

Chỉ tiêu về lao động, tiền lương:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021
1	Lao động bình quân	Người	338
2	Tiền lương bình quân người lao động	Tr. đồng/ tháng	6,601
3	Năng suất lao động bình quân	Tr. đồng/ người/tháng	11,352
4	Quỹ lương người lao động	Tr. đồng	26.772,44
5	Quỹ lương người quản lý	Tr. đồng	2.666,08
6	Thù lao kiêm nhiệm	Tr. đồng	201,60

Kế hoạch vốn đầu tư:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	4,00
1.1	Đầu tư XD CB	Tỷ đồng	-
1.2	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	4,00

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021
2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	4,00
1.1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	4,00
1.2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết nội dung này: cổ phần, tương đương tổng số cổ phần của Công ty.

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: cổ phần, tương đương tổng số cổ phần của Công ty, đạt tỷ lệ số cổ phần của cổ đông và đại diện cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ...cổ phần, đạt tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... cổ phần, đạt ... tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần không hợp lệ: ... cổ phần, đạttổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

8.6. Kế hoạch chi lương người đại diện và chi trả phụ cấp kiêm nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Số lượng	Kế hoạch	Ghi chú
1	Lương CBQL	7,25	2.666,079	
2	Thù lao kiêm nhiệm	03	201,600	

Hội đồng quản trị quy định mức chi tiền lương và thù lao kiêm nhiệm cho từng chức danh cụ thể theo kết quả sản xuất kinh doanh trên cơ sở quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và quy định của cấp thẩm quyền.

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết nội dung này: cổ phần, tương đương tổng số cổ phần của Công ty.

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: cổ phần, tương đương tổng số cổ phần của Công ty, đạt tỷ lệ số cổ phần của cổ đông và đại diện cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ...cổ phần, đạt tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... cổ phần, đạt ... tổng số cổ phần có

quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần không hợp lệ: ... cổ phần, đạttổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

8.7. Kế hoạch phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2021:

ĐVT: Triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế	14.975,939
1. Trích lập Quỹ Khen thưởng - Phúc lợi (1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động)	3.346,555
2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ (1,5 tháng lương thực hiện bình quân của CBQL)	358,460
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập được sử dụng để chia cổ tức cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn góp	11.270,924

* Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 6,43%

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết nội dung này: cổ phần, tương đương tổng số cổ phần của Công ty.

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: cổ phần, tương đương tổng số cổ phần của Công ty, đạt tỷ lệ số cổ phần của cổ đông và đại diện cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ...cổ phần, đạt tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... cổ phần, đạt ... tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần không hợp lệ: ... cổ phần, đạttổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

8.8 Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu giai đoạn 2021-2025

Mục tiêu nhiệm vụ giai đoạn 2021 -2025:

- Xây dựng chiến lược phát triển Công ty đến năm 2030 và tầm nhìn 2045;
- Kiện toàn mô hình tổ chức, công tác cán bộ của Công ty phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty;
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp;
- Kiện toàn hệ thống quản trị nội bộ về nhân sự và quy chế, quy định.

Trong nhiệm kỳ, phấn đấu mức tăng trưởng các chỉ tiêu: Lợi nhuận, tiền lương của người lao động mỗi năm tăng trưởng 5-10%.

(Có Phụ lục kèm theo)

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết nội dung này: cổ phần, tương đương

tổng số cổ phần của Công ty.

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: cổ phần, tương đương tổng số cổ phần của Công ty, đạt tỷ lệ số cổ phần của cổ đông và đại diện cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ...cổ phần, đạt tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... cổ phần, đạt ... tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần không hợp lệ: ... cổ phần, đạttổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

8.9 Phê duyệt về việc ký kết các hợp đồng với người có liên quan (có danh mục kèm theo)

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết nội dung này: cổ phần, tương đương tổng số cổ phần của Công ty.

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: cổ phần, tương đương tổng số cổ phần của Công ty, đạt tỷ lệ số cổ phần của cổ đông và đại diện cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ...cổ phần, đạt tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... cổ phần, đạt ... tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần không hợp lệ: ... cổ phần, đạttổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

8.10 Chấp thuận chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết nội dung này: cổ phần, tương đương tổng số cổ phần của Công ty.

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: cổ phần, tương đương tổng số cổ phần của Công ty, đạt tỷ lệ số cổ phần của cổ đông và đại diện cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ...cổ phần, đạt tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... cổ phần, đạt ... tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần không hợp lệ: ... cổ phần, đạttổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

9. Ông Trần Đức Hợp – Chủ tịch HĐQT trình bày Tờ trình của HĐQT về

10. Ông Lê Xuân Huy – Thư ký Đại hội tổng hợp và báo cáo đề cử, giới thiệu nhân sự của cổ đông và nhóm cổ đông.

10.1 Danh sách ứng viên HĐQT:

TT	Họ và tên	Cổ đông/nhóm cổ đông giới thiệu	Số lượng cổ phần đại diện/Tỷ lệ %Vốn ĐL	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				

10.2 Danh sách ứng viên BKS:

TT	Họ và tên	Cổ đông/nhóm cổ đông giới thiệu	Số lượng cổ phần đại diện/Tỷ lệ %Vốn ĐL	Ghi chú
1				
2				
3				

11. Ông Trần Đức Hợp điều hành phân Bàu.....

11.1 Tổng hợp phiếu bầu cử cho từng ứng viên

Số cổ phần có quyền biểu quyết nội dung này. cổ phần, tương đương tổng số cổ phần của Công ty.

TT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Số không bầu	Ghi chú
1				
2				
3				
4				

TT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Số không bầu	Ghi chú
5				

11.2 Kết quả các thành viên trúng cử IIDQT:

TT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Ghi chú
1			
2			
3			
4			
5			

12. Thông qua Biên bản, Nghị quyết và bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông đã hoàn thành và biểu quyết thông qua các nội dung theo chương trình Đại hội.

Ông **Lê Xuân Huy** - Thư ký Đại hội trình bày toàn văn dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí, với các nội dung quyết nghị đã được ghi nhận tại Mục 8 của Biên bản này.

Ông **Trần Đức Hợp** - Thay mặt Đoàn chủ tịch điều hành phân biểu quyết và Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội; kết quả:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết nội dung này: cổ phần, tương đương tổng số cổ phần của Công ty.

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: cổ phần, tương đương tổng số cổ phần của Công ty, đạt tỷ lệ số cổ phần của cổ đông và đại diện cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ...cổ phần, đạt tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... cổ phần, đạt ... tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần không hợp lệ: ... cổ phần, đạttổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

13. Ông Trần Đức Hợp – Phát biểu bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí vào lúc ... giờ 30 phút ngày 28/04/2021.

Biên bản Đại hội có ... trang được lập thành 02 bản bằng tiếng Việt; lưu tại Văn phòng Công ty (Văn thư và Thư ký); Biên bản được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty (www.pvbuilding.com.vn) và công bố thông tin theo quy định.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Lê Xuân Huy

Trần Đức Hợp

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí năm 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí ngày 28 tháng 4 năm 2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, giai đoạn 2021-2025; Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020, với các nội dung chính như sau:

1.1 Các chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất kinh doanh năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2020	Thực hiện 2020	Ghi chú
I	CHỈ TIÊU SXKD				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	257,00	358,32	
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	16,00	16,60	
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	9,10	12,90	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	14,24	14,50	
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	7,40	7,60	
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	6,10	6,23	
II	TIỀN LƯƠNG				
1	Định mức lao động	Người	390	326	
2	Lao động bình quân	Người	370	323	
3	Năng suất lao động BQ theo tổng DT trừ chi phí chưa lương	Trđ/ng/t h	10,251	11,660	
4	Mức tiền lương bình quân	Trđ/th	5,942	6,759	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2020	Thực hiện 2020	Ghi chú
5	Quỹ tiền lương NLĐ	Tỷ đồng	26,384	26,198	
III	ĐẦU TƯ - MUA SẴM				
1	Xây dựng nhà kho nguyên liệu phục vụ sản xuất bao bì	Tỷ đồng	5,0	-	Chưa thực hiện
2	Mua máy kiểm tra chất lượng màng PP dệt	Tỷ đồng	1,0	0,7	
3	Mua sắm máy giặt, máy sấy giặt là (02 máy giặt + 01 máy sấy)	Tỷ đồng	1,0	0,5	(01 máy giặt và 01 máy sấy)
	Tổng cộng:	Tỷ đồng	7,0	1,2	

1.2 Tình hình chi lương cán bộ quản lý chuyên trách và chi trả phụ cấp kiêm nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Kế hoạch	Thực hiện	Ghi chú
1	Lương CBQL	2.894,09	2.144,867	Giảm quỹ lương do số CBQL thực hiện thấp hơn so với kế hoạch
2	Thù lao kiêm nhiệm	233,87	251,318	Tăng quỹ thù lao do lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch

1.3 Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế:

ĐVT: VNĐ

Lợi nhuận sau thuế	14.495.494.749
1. Trích lập Quỹ Khen thưởng - Phúc lợi (trương đương 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động)	3.279.588.784
2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ (1,5 tháng lương, thù lao BQ thực hiện của CBQL)	299.523.033
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ và thưởng hoàn thành nhiệm vụ (chia cổ tức cho các cổ đông)	10.916.382.932
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn: 83,26%	9.088.980.429
Khách sạn Cẩm Thành: 3,14%	342.774.424
Nhóm cổ đông cá nhân: 13,6%	1.484.628.079

Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 6,23%

2. Kết quả giai đoạn 2016-2020:

- Tổng doanh thu giai đoạn 2016-2020 đạt 2.495,5 tỷ đồng, đạt 81% kế hoạch, doanh thu không đạt kế hoạch do kể từ Quý IV năm 2018, sản lượng tiêu thụ hạt nhựa PP của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất giảm do sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường.
- Lợi nhuận sau thuế giai đoạn 2016-2020 đạt 72,4 tỷ đồng, đạt 105% kế hoạch.
- Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu trừ chi phí chưa lương) giai đoạn 2016-2020 đạt 10,19 triệu đồng/người/tháng, đạt 103% kế hoạch.
- Tiền lương bình quân năm 2020 của người lao động giai đoạn 2016-2020 đạt 5,87 triệu đồng/tháng đạt 80% kế hoạch. Tiền lương bình quân thực hiện giai đoạn 2016-2020 không đạt kế hoạch do khó khăn chung của nền kinh tế trong khu vực.

(có Phụ lục đính kèm)

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

3.1. Mục tiêu:

- Tập trung xây dựng chiến lược phát triển Công ty và định hướng đến năm 2030;
 - Tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu doanh nghiệp theo chỉ đạo của Tập đoàn/BSR, phối hợp với BSR để hoàn thành công tác thoái vốn của BSR tại PV Building còn 51% vốn điều lệ theo chỉ đạo của Tập đoàn. Hoàn thiện cơ cấu bộ máy quản lý Công ty phù hợp khi BSR thoái vốn còn 51%;
 - Nâng cao chất lượng dịch vụ quản lý nhà và các dịch vụ hậu cần khác theo hướng ngày càng chuyên nghiệp, lấy chất lượng và phong cách phục vụ làm tiêu chí hàng đầu;
 - Nâng cao chất lượng sản phẩm bao bì, kiểm soát tốt ở tất cả các khâu sản xuất để trở thành nhà sản xuất bao bì có uy tín trên thị trường cả nước đối với tất cả các dòng sản phẩm hiện có; tìm hiểu thị trường các nước trong khu vực để hướng đến xuất khẩu sản phẩm bao bì;
 - Xây dựng kế hoạch việc tham gia vào thị trường phân phối: LPG, xăng, dầu trên địa bàn Quảng Ngãi và tại khu vực miền Trung; tiếp tục duy trì các hoạt động thương mại hiện có;
 - Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, kiện toàn hệ thống văn bản pháp lý và tăng cường giám sát nội bộ;
- Triển khai chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động có trình độ chuyên môn cao nhằm thu hút nhân sự phục vụ kế hoạch phát triển của Công ty;
- Không ngừng hoàn thiện công tác tổ chức nhân sự, đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho CB-NLĐ, bổ sung nhân sự có năng lực quản lý điều hành.

3.2 Chỉ tiêu kế hoạch năm 2021

3.2.1 Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Các chỉ tiêu tài chính:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	193,26
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	540,00
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	16,40
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	14,98
5	Tỷ suất LNST/vốn chủ sở hữu	%	7,75
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	8,93

Chỉ tiêu về lao động, tiền lương:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021
1	Lao động bình quân	Người	338
2	Tiền lương bình quân người lao động	Tr. đồng/ tháng	6,601
3	Năng suất lao động bình quân	Tr. đồng/ người/tháng	11,352
4	Quỹ lương người lao động	Tr. đồng	26.772,44
5	Quỹ lương người quản lý	Tr. đồng	2.666,08
6	Thù lao kiêm nhiệm	Tr. đồng	201,60

Kế hoạch vốn đầu tư:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	4,00
1.1	Đầu tư XD CB	Tỷ đồng	-
1.2	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	4,00
2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	4,00
1.1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	4,00
1.2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-

3.2.2 Kế hoạch quỹ lương cán bộ quản lý và thù lao kiêm nhiệm năm 2021

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Số người	Kế hoạch	Ghi chú
1	Lương CBQL	7,25	2.666,079	
2	Thù lao kiêm nhiệm	03	201,600	

Hội đồng quản trị quy định mức chi tiền lương và thù lao kiêm nhiệm cho từng chức danh cụ thể theo kết quả sản xuất kinh doanh trên cơ sở quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ *Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước* và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội *Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước* và quy định của cấp thẩm quyền.

3.2.3 Kế hoạch phân chia lợi nhuận sau thuế:

ĐVT: Triệu đồng	
Lợi nhuận sau thuế	14.975,939
1. Trích lập Quỹ Khen thưởng - Phúc lợi (1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động)	3.346,555
2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ (1,5 tháng lương thực hiện bình quân của CBQL)	358,460
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập được sử dụng để chia cổ tức cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn góp	11.270,924

Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 6,43%

4. Kế hoạch giai đoạn 2021-2025:

- Xây dựng chiến lược phát triển Công ty đến năm 2030 và tầm nhìn 2045;
- Kiện toàn mô hình tổ chức, công tác cán bộ của Công ty phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty;
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp;
- Kiện toàn hệ thống quản trị nội bộ về nhân sự và quy chế, quy định.

Trong nhiệm kỳ, phấn đấu mức tăng trưởng các chỉ tiêu: Lợi nhuận, tiền lương của người lao động mỗi năm tăng trưởng 5-10%.

(Có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Các nội dung khác:

2.1. Kết quả Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025

2.1.1 Hội đồng quản trị:

.....

2.1.2 Ban Kiểm soát

.....

2.2. Thống nhất:

2.2.1 Chấp thuận:

- Chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

- Việc ký kết các hợp đồng với người có liên quan (*Có danh mục các hợp đồng kèm theo*).

2.2.2 . Ủy quyền HĐQT

Điều 3. Nghị quyết này được các cổ đông biểu quyết thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với số phiếu phiếu biểu quyết tương đương tổng số cổ phần của Công ty, tỷ lệ số cổ phần của cổ đông và đại diện cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

Các ông/bà Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc, Trưởng cấp phòng Công ty, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, Thư ký.

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Trần Đức Hợp